

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN TNHH MTV  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH**  
**VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham gia đấu giá.

**SaigonBus**<sup>®</sup>

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT  
THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

**ASC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN ASC

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2016*

## MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	4
PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ .....	5
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU 7	
I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	7
II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN.....	7
III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN.....	7
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	8
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP .....	10
I. TỔNG QUAN .....	10
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp .....	10
2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	10
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	11
4. Thành tích và kinh nghiệm hoạt động của Công ty.....	12
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	12
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty liên doanh liên kết.....	14
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	14
1. Thực trạng về tài sản cố định của doanh nghiệp.....	14
2. Thực trạng về tài chính công ty.....	15
3. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hoá.....	16
4. Tình hình quản lý và sử dụng đất .....	18
5. Thực trạng về lao động.....	20
6. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	22
III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ ....	22
1. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh.....	22
2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh .....	27
3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	28

4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sang chế và bản quyền.....	35
5. Tình hình đầu tư phát triển .....	36
6. Tình hình nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ:.....	36
<b>PHẦN V: HOẠT ĐỘNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HOÁ.....</b>	<b>39</b>
<b>I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ.....</b>	<b>39</b>
1. Tên công ty cổ phần .....	39
2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....	39
3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....	40
4. Cơ cấu tổ chức.....	42
<b>II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH.....</b>	<b>44</b>
1. Chiến lược phát triển từ năm 2016 - 2020 .....	44
2. Cơ hội và thách thức.....	45
3. Kế hoạch đầu tư.....	47
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá.....	51
<b>III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>54</b>
<b>IV. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG .....</b>	<b>58</b>
1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần .....	58
2. Kế hoạch tuyển dụng:.....	59
<b>PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>64</b>
<b>I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....</b>	<b>64</b>
1. Loại cổ phần phát hành .....	64
2. Đối tượng mua cổ phần .....	64
3. Phương thức phát hành.....	71
<b>II. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN .....</b>	<b>71</b>
<b>III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HOÁ .....</b>	<b>72</b>
1. Chi phí cổ phần hoá.....	72
2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá .....	74
<b>IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN .....</b>	<b>77</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	77

2. Rủi ro luật pháp .....	77
3. Rủi ro đặc thù .....	78
4. Rủi ro đợt chào bán .....	78
5. Rủi ro khác .....	78
V. KẾT LUẬN .....	78
VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	80

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng số 1: Tình hình tài sản cố định tại ngày 30/06/2015 .....	14
Bảng số 2: Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp .....	18
Bảng số 3: Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty .....	19
Bảng số 4: Tổng số CBCNV của Công ty tại ngày 25/12/2015 .....	20
Bảng số 5: Một số hợp đồng tiêu biểu mà Công ty đã và đang ký kết thực hiện .....	26
Bảng số 6: Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty .....	28
Bảng số 7: Một số chỉ tiêu tóm tắt cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Công ty .....	29
Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần .....	29
Bảng số 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp .....	31
Bảng số 10: Cơ cấu chi phí .....	33
Bảng số 11: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	34
Bảng số 12: Danh sách văn bằng sở hữu trí tuệ .....	35
Bảng số 13: Tình hình đầu tư XDCB và mua sắm, sửa chữa trang thiết bị .....	36
Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần .....	40
Bảng số 15: Tổng nhu cầu vốn đầu tư phương tiện cho các dự án mới .....	48
Bảng số 16: Tổng nhu cầu vốn đầu tư thay thế các phương tiện năm 2016 - 2017 .....	49
Bảng số 17: Tổng nhu cầu vốn đầu tư thay thế các phương tiện năm 2018 - 2020 .....	49
Bảng số 18: Tổng nhu cầu vốn đầu tư hệ thống bán vé tự động .....	50
Bảng số 19: Chỉ tiêu kinh doanh và chỉ số tài chính từ năm 2016 – năm 2020 .....	53
Bảng số 20: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa .....	54
Bảng số 21: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần .....	59
Bảng số 22: Nhân sự giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 .....	61
Bảng số 23: Năng suất lao động kế hoạch qua các năm .....	62
Bảng số 24: Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước .....	64
Bảng số 25: Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần .....	66
Bảng số 26: Cổ phần chào bán cho tổ chức công đoàn .....	67
Bảng số 27: Cổ phần bán đấu giá ra Công chúng (IPO) .....	71
Bảng số 28: Dự toán chi phí cổ phần hóa .....	72
Bảng số 29: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa .....	74

## **PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 31/03/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Quy định phân công thực hiện quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh một số nội dung về quy định phân công thực hiện quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và phụ lục quy định thời hạn hoàn thành ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP

ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên.
- Quyết định số 141/QĐ-BCĐCPH ngày 05/02/2015 của Tổng Công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn.
- Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/04/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên.
- Quyết định số 3091/QĐ-UBND ngày 25/06/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn
- Quyết định số 4160/UBND-CNN ngày 22/07/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chọn đơn vị tư vấn cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- Quyết định số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn.
- Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần.
- Công văn số 107/UBND-CNN ngày 12/01/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt tiêu chí nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.

**PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN  
CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**

**I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3821 7713
- Website : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN**

- Địa chỉ: 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38 546 110 Fax: (08) 38 546 127
- Website: [www.saigonbus.com.vn](http://www.saigonbus.com.vn)

**III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

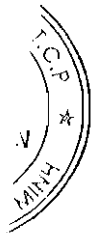
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

- Địa chỉ: Tầng 5A, Toà nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, Phường 6,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38 258 106 Fax: (08) 38 248 655
- Website: [www.asias.com.vn](http://www.asias.com.vn)



**PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**

- SaigonBus/Công ty : Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn
- GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- BCD : Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên.
- TGV BCD : Tổ Giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên.
- UBND : Ủy ban nhân dân
- Tổng Công ty Samco : Tổng Công ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn TNHH một thành viên
- Ban KHCN : Ban Khoa học Công nghệ
- Ban QL và BVMT : Ban Quản lý và Bảo vệ môi trường
- XN : Xí nghiệp
- Ban QL tòa nhà 39 : Ban quản lý tòa nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông
- Ban QL : Ban quản lý
- QSĐĐ : Quyền sử dụng đất
- CBCNV : Cán bộ Công nhân viên
- Trung tâm QL&ĐH VTHKCC/Trung tâm: Trung tâm Quản lý và Điều hành Vận tải hành khách công cộng
- Ban TGD : Ban Tổng Giám đốc
- IT : Công nghệ thông tin
- GPS : Thiết bị giám sát hành trình
- Xí nghiệp DVSC ô tô : Xí nghiệp Dịch vụ Sửa chữa ô tô
- BDSC : Bảo dưỡng sửa chữa
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- BRT : Bus Rapid Transit



- VTHKCC : Vận tải hành khách công cộng
- Trung tâm ĐHTT : Trung tâm Điều hành trực tuyến
- XDCCB : Xây dựng cơ bản
- THPT : Trung học phổ thông
- ĐHĐCĐ : Đại Hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- NLĐ : Người lao động
- CP : Cổ phần
- HĐLĐ : Hợp đồng lao động
- BHXH : Bảo hiểm xã hội

## PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

### I. TỔNG QUAN

#### 1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON PASSENGER TRANSPORT CO., LTD**
- Tên viết tắt: **SATRANCO**
- Địa chỉ: 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38 546 110 Fax: (08) 38 546 127
- Website: [www.satranco.com.vn](http://www.satranco.com.vn) – [www.saigonbus.com.vn](http://www.saigonbus.com.vn)

- Logo:



- Quyết định thành lập: theo quyết định lập doanh nghiệp nhà nước số 5350/QĐ-UB-KT ngày 02/10/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0300478044 đăng ký lần đầu ngày 21/04/2006, đăng ký thanh đổi lần thứ 10 ngày 19/11/ 2011 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Vốn điều lệ: **185.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ đồng)**

#### 2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng ô tô;
- Dịch vụ đưa rước cán bộ công nhân viên, học sinh – sinh viên;
- Dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách quốc tế Việt Nam – Campuchia;
- Dịch vụ Du lịch – Lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ bán vé máy bay.

### **3. Quá trình hình thành và phát triển**

– Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn (Saigonbus) là một trong những doanh nghiệp vận tải hoạt động lâu đời nhất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Để đáp ứng nhu cầu không ngừng tăng cao của khách hàng, Saigonbus đã mở rộng thêm nhiều dịch vụ khác như du lịch, liên vận quốc tế, đào tạo lái xe, dịch vụ sửa chữa và đóng mới các loại xe ngoài các dịch vụ truyền thống mà Saigonbus hoạt động từ khi mới thành lập đó là vận tải công cộng, vận chuyển hành khách. Nhìn chung, sự hình thành và phát triển của Saigonbus có những mốc phát triển chính như sau:

– Năm 1976: Công ty được thành lập theo quyết định số 217/QĐ-UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/04/1976, tiền thân là Công ty xe Du lịch với nhiệm vụ đưa đón cán bộ đi công tác. Trụ sở đầu tiên của Công ty được đặt tại địa chỉ 131 Nguyễn Huệ.

– Năm 1983: Công ty được giao quản lý một số xe buýt và nhận nhiệm vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phục vụ cho người dân thành phố.

– Năm 1992: đổi tên thành Công ty xe khách Sài Gòn trực thuộc Sở giao thông Công chánh nay là Sở Giao thông vận tải theo quyết định số 158/QĐUB ngày 03/12/1992 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

– Năm 1997: chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, thực hiện nhiệm vụ chính là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại Tp.HCM theo quyết định số 5350/QĐUBKT ngày 02/10/1997 của UBND TP và Quyết định số 95/QĐ-TCNSTL ngày 26/07/1997.

– Tháng 07/2004: trở thành thành viên của Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO) theo Quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15/07/2004 của UBND Tp.HCM về việc thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

– Năm 2006: đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 22/03/2006 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh.

– Năm 2010: Công ty chuyển văn phòng về địa chỉ 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Thành tích và kinh nghiệm hoạt động của Công ty**

- Năm 1981: Huân chương Lao động hạng III
- Năm 1986: Huân chương Lao động hạng II
- Năm 2014: Huân chương Lao động hạng III

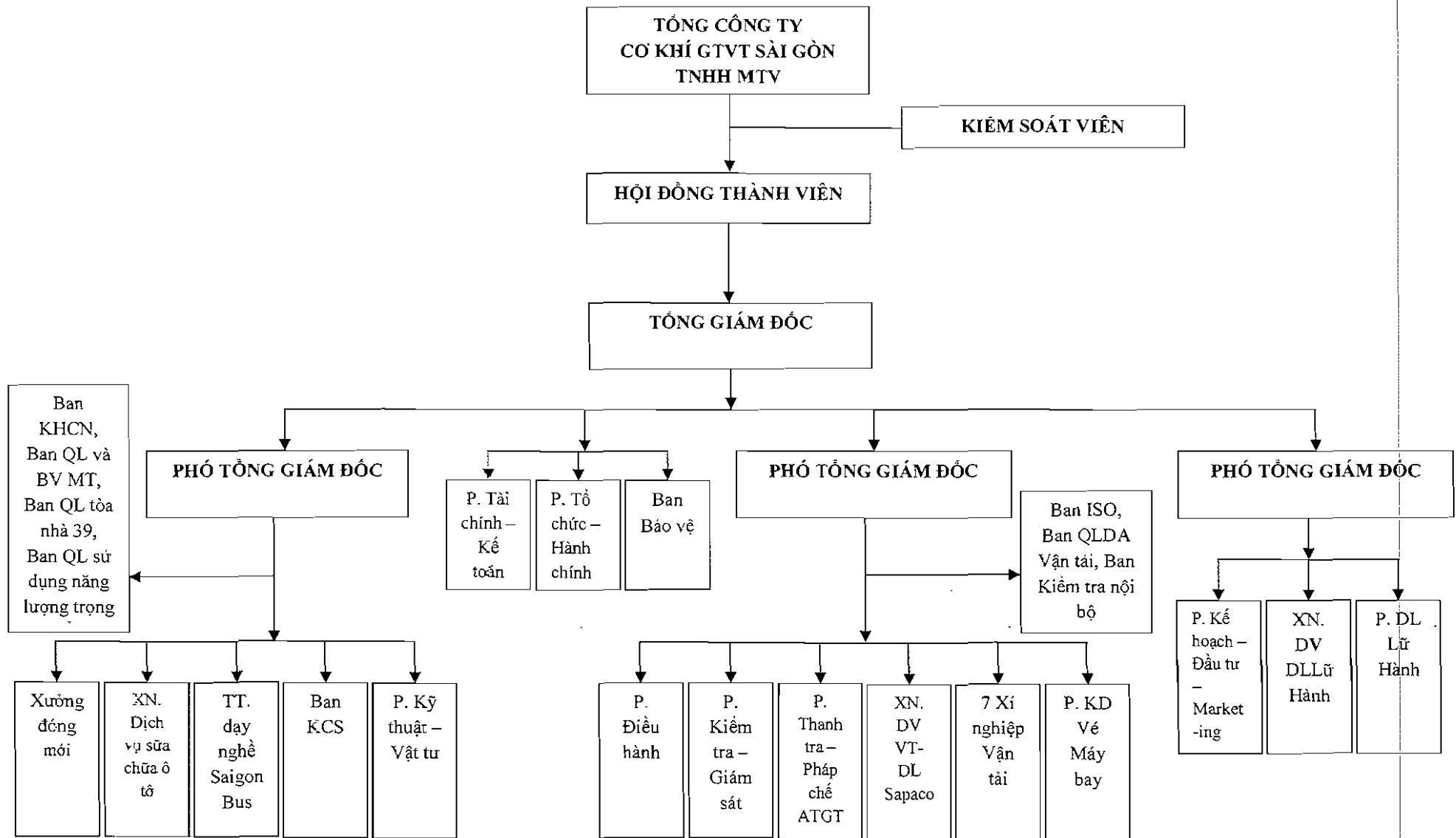
**5. Cơ cấu tổ chức và quản lý****5.1 Cơ cấu tổ chức**

Công ty TNHH một thành viên Xe Khách Sài Gòn với chủ sở hữu là Tổng Công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH một thành viên (Samco). Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo điều lệ được Hội đồng thành viên Tổng Công ty Samco phê duyệt tại quyết định số 18/QĐ-HĐTV ngày 21/08/2012.

Về cơ cấu tổ chức hoạt động Công ty thực hiện theo quyết định số 2345/QĐ-XKSG ngày 12/12/2012 của Tổng Giám đốc, bao gồm: Chủ sở hữu Công ty, Kiểm soát viên, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc (các phòng, ban chức năng; các xí nghiệp du lịch, dịch vụ, vận tải; các Hội đồng thanh lý tài sản, Hội đồng xét tuyển chọn lựa nhà cung cấp vật tư phụ tùng, Hội đồng sáng kiến sáng chế, Hội đồng bảo hộ lao động...). Cơ cấu tổ chức nêu trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên với cơ quan quyền lực cao nhất là Hội đồng thành viên. Dưới Hội đồng thành viên là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, xí nghiệp trực thuộc chịu trách nhiệm tham mưu về các hoạt động cụ thể. Kiểm soát viên có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên, Ban điều hành và các phòng ban, xí nghiệp trực thuộc.

**5.2 Sơ đồ tổ chức**



**6. Danh sách những công ty mẹ và công ty liên doanh liên kết****6.1 Công ty mẹ:****Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300481551 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/2010
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ

**6.2 Công ty liên doanh liên kết****Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn**

- Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000042 ngày 31 tháng 3 năm 2015 (chứng nhận thay đổi lần thứ 5) do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 151A Lý Thường Kiệt, Phường 06, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 3.952.650 USD
- Vốn góp: 1.976.325 USD
- Tỷ lệ sở hữu: 50% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, xe khách liên tỉnh và kinh doanh dịch vụ cho thuê xe từ nguồn xe do doanh nghiệp đầu tư.
  - Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch.

**II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP****1. Thực trạng về tài sản cố định của doanh nghiệp**

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2015) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

**Bảng số 1: Tình hình tài sản cố định tại ngày 30/06/2015**

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>798.546.989.259</b>	<b>(644.163.839.829)</b>	<b>154.383.149.430</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	109.906.978.253	(37.605.140.246)	72.301.838.007
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	669.884.999.720	(596.186.726.801)	73.698.272.919
▪ Máy móc thiết bị	5.959.403.728	(4.343.881.481)	1.615.522.247
▪ Thiết bị quản lý	11.259.839.305	(5.204.034.273)	6.055.805.032
▪ Khác	1.535.768.253	(824.057.028)	711.711.225
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	-	-	-
<b>3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>239.818.182</b>	-	<b>239.818.182</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 30/06/2015 của SaigonBus

## 2. Thực trạng về tài chính công ty

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 30/06/2015 như sau:

❖ **Vốn chủ sở hữu: 183.592.245.242 đồng**

Trong đó:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 176.147.577.392 đồng
- Vốn khác của chủ sở hữu: 0 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 1.831.476.080 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 5.613.191.770 đồng

❖ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 24.459.447.072 đồng**

❖ **Các khoản phải thu: 100.364.660.776 đồng**

- Phải thu ngắn hạn: 100.364.660.776 đồng
- Phải thu dài hạn: 0 đồng

(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 97,52%)

❖ **Nợ phải trả: 152.168.492.674 đồng**

- Nợ ngắn hạn: 131.138.967.738 đồng
- Nợ dài hạn: 21.029.524.936 đồng

(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 100%)



**3. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hoá****3.1 Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp**

Căn cứ Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2015 của Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn là **492.870.274.543 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn, năm trăm bốn mươi ba đồng).
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn tại thời điểm 30/06/2015 để cổ phần hóa là: **340.701.781.869 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tỷ, bảy trăm lẻ một triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng).
- Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn tại thời điểm 30/06/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4 = 3 - 2
<b>A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	<b>302.985.674.135</b>	<b>492.870.274.543</b>	<b>189.884.600.408</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>147.662.094.186</b>	<b>336.479.205.829</b>	<b>188.817.111.643</b>
<b>1. Tài sản cố định</b>	<b>144.430.570.213</b>	<b>323.321.318.242</b>	<b>178.890.748.029</b>
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	<i>144.430.570.213</i>	<i>323.321.318.242</i>	<i>178.890.748.029</i>
<i>Nhà cửa - vật kiến trúc</i>	<i>63.356.874.794</i>	<i>83.760.569.417</i>	<i>20.403.694.623</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>1.615.522.247</i>	<i>2.944.580.103</i>	<i>1.329.057.856</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>72.799.999.785</i>	<i>229.304.695.638</i>	<i>156.504.695.853</i>
<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>6.055.805.032</i>	<i>6.371.749.245</i>	<i>315.944.213</i>
<i>Khác</i>	<i>602.368.355</i>	<i>939.723.839</i>	<i>337.355.484</i>
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>239.818.182</b>	<b>239.818.182</b>	<b>-</b>
<b>3. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>2.956.320.400</b>	<b>2.956.320.400</b>	<b>-</b>
<b>4. Chi phí trả trước dài hạn (chưa bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh)</b>	<b>35.385.391</b>	<b>9.961.749.005</b>	<b>9.926.363.614</b>

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>146.378.616.736</b>	<b>150.484.929.332</b>	<b>4.106.312.596</b>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>17.933.145.249</b>	<b>17.933.145.801</b>	<b>552</b>
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	2.213.107.448	2.213.108.000	552
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	15.720.037.801	15.720.037.801	-
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-
<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>100.364.660.776</b>	<b>104.470.972.820</b>	<b>4.106.312.044</b>
3.1. Phải thu khách hàng	20.257.415.430	20.257.415.430	-
3.2. Trả trước cho người bán	29.522.024.260	29.522.024.260	-
3.3. Các khoản phải thu khác	54.691.533.130	54.691.533.130	-
3.4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.106.312.044)	-	4.106.312.044
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>20.241.830.894</b>	<b>20.241.830.894</b>	-
<b>5. Tài sản lưu động khác</b>	<b>7.838.979.817</b>	<b>7.838.979.817</b>	-
<b>6. Chi phí sự nghiệp</b>	-	-	-
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>	-	<b>5.906.139.382</b>	<b>5.906.139.382</b>
1. Giá trị tiềm năng phát triển	-	2.625.369.107	2.625.369.107
2. Giá trị thương hiệu	-	3.280.770.275	3.280.770.275
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>8.944.963.213</b>	-	<b>(8.944.963.213)</b>
<b>B. TÀI SẢN KHÔNG CẢN DÙNG</b>	<b>32.775.063.781</b>	<b>32.775.063.781</b>	-
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>32.775.063.781</b>	<b>32.775.063.781</b>	-
1. Tài sản cố định	1.007.616.004	1.007.616.004	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31.767.447.777	31.767.447.777	-
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-
<b>C. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHIEN THƯỞNG, PHÚC LỢI</b>	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP</b>	<b>335.760.737.916</b>	<b>525.645.338.324</b>	<b>189.884.600.408</b>
Trong đó:			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP</b>	<b>302.985.674.135</b>	<b>492.870.274.543</b>	<b>189.884.600.408</b>
D1. Nợ thực tế phải trả	127.709.045.602	127.709.045.602	-
D2. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.459.447.072	24.459.447.072	-
D3. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP</b>	<b>150.817.181.461</b>	<b>340.701.781.869</b>	<b>189.884.600.408</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp SAIGONBUS tại thời điểm 30/06/2015)

### 3.2 Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 6487/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử lý tài sản không cần dùng không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn. Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp, gồm:

#### a. Tài sản cố định:

Giá trị: **1.007.616.004** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bốn đồng). Bao gồm các loại phương tiện vận tải sau đây:

**Bảng số 2: Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp**

Stt	Tài sản	Số lượng (xe)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Xe Daihatsu	02	287.614.099	-
2	Xe Huyndai	03	1.923.781.466	-
3	Xe Mazda	01	291.981.950	-
4	Xe Mercedes 32 chỗ	10	10.113.303.260	-
5	Xe B80	23	20.980.371.000	1.007.616.004
	<b>Tổng cộng</b>		<b>33.597.051.775</b>	<b>1.007.616.004</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp SaigonBus tại thời điểm 30/06/2015)

#### b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Là khoản vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Vận tải ngôi sao Sài Gòn số tiền **31.767.447.777** đồng (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, bảy trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp SaigonBus tại thời điểm 30/06/2015)

### 4. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Được UBND Thành phố Hồ Chí Minh và các Sở - Ban – Ngành tạo điều kiện trong việc giao, cho thuê các cơ sở nhà đất để phục vụ nơi lưu đậu phương tiện và hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong suốt quá trình quản lý sử dụng đất, Công ty luôn thực hiện tốt các

quy định quản lý đất đai, sử dụng đúng mục đích, chấp hành tốt các nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước, tổ chức khai thác đạt hiệu quả, cụ thể như sau:

**Bảng số 3: Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty**

Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích đang sử dụng	Quyết định sử dụng đất – hợp đồng thuê đất
Bãi xe 343/20 Lạc Long Quân F5, Q11	30.029,2	Bãi đậu xe và bảo dưỡng sửa chữa xe buýt	- QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 04/01/2006 của UBND TP V/v cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất đến năm 2045. - HĐ thuê đất số 2000/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 14/03/2006.
Bãi xe 01 Phạm Hồng Thái F2, Q. Tân Bình	27.490	Bãi đậu xe và bảo dưỡng sửa chữa xe buýt	- QĐ số 4701/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND TP V/v chấp thuận cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất 50 năm kể từ ngày 21/04/2006. - HĐ thuê đất số 3113 /IIDTD-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/05/2011
Bãi xe 592 Cộng Hòa F13, Q. Tân Bình	6.606,6	Bãi đậu xe buýt	- QĐ số 738/QĐ-UBND ngày 21/02/2011 của UBND TP V/v chấp thuận cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất 50 năm kể từ ngày ra quyết định. - HĐ thuê đất số 7212/HĐ-TNMT-QHSDD ngày 09/11/2011
Bãi xe 439 Phan Văn Trị F5, Q. Gò Vấp	7.214	Bãi đậu xe buýt	- QĐ số 2028/QĐ-UBND ngày 04/05/2007 của UBND TP V/v cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất đến năm 2020. - HĐ thuê đất số 7823/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/9/2007
Nhà 500 Nguyễn Đình Chiểu F4, Q.3	618,64	Văn Phòng Xí Nghiệp Sapaco	- QĐ giao đất số 6194/QĐ-UBND ngày 07/12/2005 của UBND TP.HCM. - Vì hiện nay đang có 01 hộ lưu

Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích đang sử dụng	Quyết định sử dụng đất – hợp đồng thuê đất
			cur ở phân lâu của ngôi nhà nên việc làm giấy chứng nhận QSDĐ gặp nhiều khó khăn.
Nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông F.10, Q5	760,2	Văn phòng làm việc Công ty	- QĐ số 4295/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của UBND Tp, thời hạn thuê đất : 50 năm - HĐ thuê đất số 10503/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 07/12/2007
Nhà 171 Điện Biên Phủ F.15, Q Bình Thạnh	1.035	Showroom và xưởng bảo trì xe	- Chuyển quyền theo hợp đồng số 11192 ngày 20/05/2008 tại phòng Công chứng số 6 – TP. HCM - Chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở thuộc quyền của Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn

Nguồn: SaigonBus

#### 5. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 25/12/2015, tổng số CBCNV của Công ty là 1.447 người với cơ cấu như sau:

**Bảng số 4: Tổng số CBCNV của Công ty tại ngày 25/12/2015**

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Theo trình độ lao động</b>		
▪ Trình độ trên Đại học	11	0,76
▪ Trình độ Đại học	170	11,75
▪ Trình độ Cao đẳng	61	4,21
▪ Trình độ Trung cấp	93	6,43

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
▪ Tốt nghiệp Trung học phổ thông	631	43,61
▪ Chưa tốt nghiệp Trung học phổ thông	481	33,24
<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>		
▪ Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	05	0,34
▪ Hợp đồng không thời hạn	1.313	90,74
▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	116	8,02
▪ Hợp đồng dưới 1 năm	13	0,90
<b>Theo giới tính</b>		
▪ Nam	1.128	77,95
▪ Nữ	319	22,05

*Nguồn: Saigonbus*

Tổng số lao động ngày 25/12/2015 của công ty là 1.447 người, trong đó viên chức quản lý là 05 người; lao động gián tiếp làm việc tại các Phòng, ban, Xí nghiệp trực thuộc là 203 người, lao động trực tiếp có 1.239 lao động bao gồm Lái xe, Nhân viên phục vụ xe buýt, Công nhân thợ, Nhân viên Điều hành, Kiểm soát, Thu ngân, Tạp vụ, Thiết kế du lịch, Bán vé máy bay, Bảo vệ); trong đó có 3 trường hợp thực hiện tạm hoãn hợp đồng lao động theo quy định.

Số lao động gián tiếp tại các Phòng, Ban, Xí nghiệp đa số là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có khả năng phát triển và mong muốn gắn bó với công ty lâu dài. Số lao động trực tiếp điều hành, thu ngân phần lớn là lao động lớn tuổi, trình độ lao động hạn chế, hiệu quả làm việc chưa cao, tuy nhiên đối tượng lao động này trong

những năm gần đây vẫn ổn định, ít biến động. Còn số lao động trực tiếp là lái xe thường xuyên biến động, đây là lực lượng lao động chủ yếu của công ty nhưng hiện nay công ty thường xảy ra tình trạng thiếu lái xe. Đối với lao động là viên tiếp viên hiện nay tương đối ổn định.

Lực lượng lao động là cán bộ điều hành, quản lý cũng như đội ngũ chuyên viên công ty phần lớn là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao cũng như kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực quản lý vận tải nên phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, ngành nghề hoạt động chính của công ty là vận tải hành khách công cộng.

## **6. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý**

Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn đã thực hiện quyết toán thuế đến năm 2013. Giai đoạn năm 2014 và 06 tháng 2015 Công ty đã có công văn số 1122/TCKT-XKSG ngày 29/06/2015 về việc đề nghị Cục thuế TP.HCM quyết toán thuế giai đoạn 2014 và 06 tháng 2015 nhưng chưa được Cục thuế TP.HCM kiểm tra. Căn cứ Mục b Khoản 4 Điều 9 Thông tư 127/TT-BTC, các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (nếu có) sẽ được điều chỉnh khi lập báo cáo tài chính thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu để bàn giao sang Công ty Cổ phần.

Kết quả sản xuất kinh doanh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần sẽ được xử lý theo chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

## **III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ**

### **1. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1 Các loại sản phẩm dịch vụ:**

##### **a. Hoạt động xe buýt**

Với hơn 500 xe và 30 tuyến phục vụ trên địa bàn Thành phố và các vùng lân cận như Bình Dương, Tây Ninh, SaigonBus là thương hiệu gần gũi, quen thuộc với người dân thành phố. Đây cũng là lĩnh vực chủ chốt của Công ty đã được UBND TP.HCM tin tưởng giao phó. Hiện Công ty đang phục vụ việc đi lại của hơn 130.000 người với 3.500 chuyến xe mỗi ngày.

– Doanh thu của hoạt động buýt chiếm tỷ trọng rất cao trên tổng doanh thu của toàn Công ty. Tuy nhiên, nguồn doanh thu từ trợ giá Công ty hoàn toàn bị động vì phải phụ thuộc vào ngân sách và các chính sách thay đổi đơn giá của nhà nước.

– Trước tình hình trợ giá ngày càng giảm, trong khi sản lượng gần như bão hòa, tốc độ tăng trưởng doanh thu bán vé thấp. Để duy trì hoạt động, giảm lỗ buộc Công ty phải đẩy mạnh cắt giảm các chi phí không cần thiết, đầu tư trang thiết bị công nghệ để tiết giảm nhân công, tăng cường hiệu quả giám sát chống thất thoát và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của hành khách.

**b. Hoạt động đưa rước công nhân**

– Hoạt động đưa rước công nhân viên có trợ giá được Công ty triển khai thực hiện từ đầu năm 2004 theo chủ trương của thành phố trong việc hỗ trợ di dời các nhà máy, xí nghiệp ra khỏi khu vực nội thành. Hiện nay, thành phố đang trợ giá cho hoạt động đưa đón công nhân với tỷ lệ trợ giá/chi phí tối đa là 25%.

– Ngoài các tuyến có trợ giá, Công ty cũng tiến hành mở rộng tiếp xúc và ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp có nhu cầu đưa rước công nhân viên từ thành phố Hồ Chí Minh đến làm việc ở các tỉnh liền kề theo hình thức không trợ giá.

– Hàng ngày, với tổng số 75 tuyến đang hoạt động (57 tuyến trợ giá và 18 tuyến không trợ giá), dịch vụ đưa đón do Công ty đang thực hiện vận chuyển được khoảng 8.000 lượt công nhân viên đi đến các nhà máy, xí nghiệp ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và ngược lại.

**c. Hoạt động du lịch lữ hành (Saigon M.I.C.E):**

– Với đội ngũ nhân viên nhiều kinh nghiệm trong tổ chức du lịch, Du lịch Saigon M.I.C.E chuyên tư vấn các giải pháp và tổ chức dịch vụ cao cấp như tour du lịch thưởng, hội thảo, hội nghị quốc tế, tiệc chiêu đãi theo chủ đề, kỳ nghỉ công ty, teambuilding ... cho các đoàn khách trong nước và quốc tế.

– Mỗi quan tâm về chất lượng của người thụ hưởng, dịch vụ tư vấn, ý tưởng sáng tạo và công tác tổ chức chuyên nghiệp là thế mạnh khác biệt của Công ty trong việc tổ chức và điều hành các dịch vụ du lịch M.I.C.E.

Với sức mạnh và tiềm lực của Công ty kết hợp với các đối tác liên kết trong và ngoài nước, Saigon M.I.C.E có rất nhiều lợi thế khi thực hiện chương trình với mức chi phí tiết



kiệm và hiệu quả nhất, đặc biệt là khả năng quản lý, xử lý và điều hành trong quá trình tổ chức những sự kiện quan trọng hay những hội nghị mang tầm quốc tế.

**d. Hoạt động bán vé máy bay:**

– Là đại lý chính thức của các hãng hàng không: Vietnam Airlines, Vietjet Air, Jetstar Pacific và hầu hết các hãng hàng không Quốc tế: Air France, American Airlines, All Nippon Airways, Asiana Airlines, Cathay Pacific, China Airlines, Emirates, Etihad Airways, Japan Airlines, Korean Airlines, Qatar Airlines, Singapore Airlines, Thai Airways, Turkish Airways... đáp ứng đầy đủ nhu cầu của du khách khi muốn đi công tác, tham quan, mua sắm, nghỉ dưỡng, giải trí... trong và ngoài nước.

– Hỗ trợ khách hàng 24/7, giao vé tận nơi miễn phí, phương thức thanh toán đơn giản, linh hoạt, đặt khách sạn trên toàn quốc, bảo hiểm du lịch, dịch vụ hỗ trợ visa, xuất nhập cảnh...

**e. Hoạt động Liên vận Quốc tế:**

– Được sự chấp thuận của Chính phủ hai nước Việt Nam – Campuchia, tuyến liên vận quốc tế thành phố Hồ Chí Minh – PhnomPenh được đưa vào hoạt động từ năm 1987 và Xí nghiệp Sapaco trực thuộc Công ty được giao nhiệm vụ khai thác vận hành theo hình thức vận tải hành khách đối lưu.

– Trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên nâng cấp, cải tạo phương tiện, cải tiến chất lượng phục vụ để thu hút hành khách nên đã tạo được uy tín cao trên thị trường được nhân dân 2 nước tin tưởng sử dụng dịch vụ cho mục đích đi lại tham quan, du lịch, khám chữa bệnh...

**f. Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và đóng mới xe khách**

– Kể từ ngày thành lập, xưởng đóng mới xe khách đã triển khai cung cấp cho các khách hàng những sản phẩm xe có chất lượng cao. Mặt khác, Xưởng cũng không ngừng đầu tư nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ sản xuất ngày càng tốt hơn, sẵn sàng đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu của khách hàng.

– Các sản phẩm ô tô của Công ty mang nhãn hiệu SaigonBus được đóng mới, cải tạo dựa trên cơ sở Chassis nền của các hãng Mercedes (Đức), Hino, Isuzu (nhật), Yuchai (Trung Quốc)... Toàn bộ sản phẩm được thiết kế và chế tạo theo các quy định tiêu chuẩn ngành số 22TCN307-03 của Bộ GTVT ban hành ngày 10/07/2003.

**g. Hoạt động của Trung tâm dạy nghề SaigonBus:**

Trung tâm dạy nghề SaigonBus là một trong những đơn vị đào tạo và tổ chức sát hạch hàng đầu tại TP.HCM. Trung tâm có cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp giúp học viên tiếp thu lý thuyết và thực hành thuần thục trong thời gian rất nhanh. Các lớp đào tạo và thi sát hạch được mở thường xuyên, liên tục đáp ứng mọi yêu cầu của học viên.

**h. Hoạt động cho thuê xe hợp đồng:**

Ngoài những xe chuyên hoạt động kinh doanh xe theo hợp đồng, Công ty còn linh hoạt kết hợp sử dụng các xe đưa rước công nhân vào các ngày nghỉ, Lễ để phục vụ cho hoạt động này. Bên cạnh đó, Công ty cũng khuyến khích các đơn vị trực thuộc bảo quản và duy trì thật tốt kỹ thuật phương tiện để sử dụng các xe dự phòng thực hiện kinh doanh hợp đồng có cự ly ngắn trong phạm vi thành phố.

**i. Các hoạt động hỗ trợ khác:**

– Hàng năm Công ty tham gia giải tỏa hành khách tại bến xe Miền Đông, miền Tây, Cần thơ vào các dịp Lễ Tết. Tham gia vận chuyển đưa người khiếu kiện về nơi cư trú theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

– Ngoài ra, Công ty còn triển khai các hoạt động kinh doanh, liên kết, văn phòng cho thuê... mang lợi nhuận khá cao và đang được Công ty chú trọng đẩy mạnh phát triển trong những năm tới.

**1.2 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành****a. Phân khúc thị trường của Công ty:**

Phân khúc thị trường của sản phẩm, dịch vụ kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung ở phân khúc bậc trung, với chất lượng dịch vụ và chất lượng phương tiện vừa phải, giá cả hợp lý.

**b. Vị thế của Công ty trong ngành:**

– Công ty cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ, nhưng có thể phân thành 2 mảng kinh doanh chính là hoạt động công ích và kinh doanh dịch vụ.

– Đối với hoạt động công ích bao gồm buýt và đưa rước công nhân có trợ giá Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị chủ lực của thành phố.

– Các hoạt động kinh doanh dịch vụ bao gồm đưa rước công nhân, thuê xe hợp đồng, du lịch lữ hành, đào tạo và sát hạch lái xe, đóng mới xe khách, cho thuê văn phòng. Riêng đối

với hoạt động kinh doanh liên vận quốc tế Campuchia, Công ty đã xây dựng được thương hiệu du lịch Sapaco trên thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

**c. Chiến lược cạnh tranh:**

- Công ty chủ trương xây dựng chiến lược giá cả phù hợp với chất lượng sản phẩm và dịch vụ mang lại cho khách hàng. Mặt bằng giá được xây dựng hợp lý thông qua nghiên cứu và so sánh với giá cả thị trường đồng thời hướng đến khách hàng phân khúc thị trường bậc trung và cao cấp.
- Đối với các hoạt động dịch vụ, nhằm xây dựng thương hiệu vững mạnh, Công ty hướng đến không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác marketing, chăm sóc khách hàng.

**d. Triển vọng phát triển của ngành:**

Đối với hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong mảng vận tải công ích xu hướng phát triển được dự báo trong thời gian tới đây sẽ tập trung vào chiều sâu. Trong đó chủ yếu phát triển về nâng cao chất lượng phục vụ, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại vào điều hành hoạt động. Đi kèm với đó là quá trình đầu tư đổi mới phương tiện thân thiện với môi trường.

**1.3. Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

**Bảng số 5: Một số hợp đồng tiêu biểu mà Công ty đã và đang ký kết thực hiện**

STT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng(đồng/năm)	Hiệu lực hợp đồng (năm)
1	Công ty TNHH Một thành viên phát triển khu công nghệ cao Tp.HCM (Intel)	9.735.539.330	01
2	Công ty TNHH một thành viên Thuốc lá Sài Gòn.	8.310.101.556	01
3	Công ty PV Oil	170.075.635.629	06
4	Công ty TNHH GB Hà Nội	55.500.000.000	02
5	Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam	5.365.869.180	05

*Nguồn: SaigonBus*

## 2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

### 2.1. Thuận lợi:

- Nền kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn nhưng đã có dấu hiệu phục hồi. Lãi suất cho vay đã được Ngân hàng tiếp tục điều chỉnh giảm, nguồn vốn được đưa mạnh vào sản xuất kinh doanh thúc đẩy nền kinh tế hoạt động khởi sắc.
- Công ty có đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ năng lực, nhiều kinh nghiệm trong quản lý điều hành, nhiệt tình, năng nổ, luôn đặt lợi ích của công ty, của tập thể lên hàng đầu; tập thể cán bộ, nhân viên năng động, sáng tạo, đoàn kết, luôn phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.
- Việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành luôn được sự ủng hộ và thống nhất cao của tập thể người lao động Công ty.

### 2.2. Khó khăn:

- Mạng lưới tuyến buýt của thành phố hiện nay chưa có quy hoạch chính thức, có nhiều tuyến trùng lặp về lộ trình. Cơ sở hạ tầng của các tuyến buýt (trụ dừng, nhà chờ, ô sơn, biển treo, thông tin tuyến...) còn thiếu và bố trí chưa hợp lý, thiếu bến trung chuyển, không thuận tiện cho hành khách đi xe và gây khó khăn cho công tác vận hành, tác nghiệp của các đơn vị vận tải, dẫn đến tốc độ tăng trưởng sản lượng không đạt yêu cầu.
- Tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh, xe đò, bến cóc... vẫn còn phổ biến làm giảm sản lượng, doanh thu các hoạt động kinh doanh du lịch và kinh doanh vận tải hành khách các tuyến buýt liền kề.
- Các khoản mục chi phí trong định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động vận chuyên hành khách bằng xe buýt trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh được ban hành tại Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh có những phát sinh và thay đổi theo xu hướng tăng lên nhưng các công tác điều chỉnh, cập nhật chưa thực hiện kịp thời.
- Việc áp dụng các công nghệ mới vào lĩnh vực vận tải hành khách nhất là VTHKCC bằng xe buýt là hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Tuy nhiên, quá trình triển khai gặp nhiều vướng mắc do chưa có các chính sách ưu đãi về đầu tư, việc huy động

vốn và giải quyết lao động dôi dư cũng đang gặp rất nhiều khó khăn, ngoài ra các quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về thiết bị công nghệ vẫn chưa có những quy định cụ thể.

– Tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề thường xuyên diễn ra, công tác tuyển dụng lái xe buýt gặp nhiều khó khăn do thu nhập chưa tương xứng với cường độ lao động nặng nhọc, nhiều rủi ro.

– Hiện nay, các phương tiện hoạt động VTHKCC được đầu tư từ các dự án 1.318, 200 đợt I, 200 đợt II đã bước vào giai đoạn hoàn thành vòng đời dự án, Thành phố đang cần có những chiến lược về đầu tư đổi mới phương tiện để thay thế cho số phương tiện chất lượng xuống cấp do hoạt động trong thời gian dài với cường độ sử dụng cao. Nhưng trên thực tế các chính sách về khuyến khích đầu tư như nguồn vốn cho vay, lãi vay ưu đãi, khuyến khích áp dụng công nghệ trong vận hành .v.v. chưa thực sự thu hút cũng như tạo niềm tin cho các đơn vị xe buýt đầu tư đổi mới phương tiện.

### 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 3.1. Thông tin tổng hợp tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng số 6: Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	30/06/2015
1	Doanh thu thuần	636.418	651.146	645.237	292.934
2	Giá vốn hàng bán	527.087	551.294	569.197	258.967
3	Lợi nhuận gộp	109.330	99.852	76.040	33.967
4	Doanh thu hoạt động tài chính	301	919	1.077	497
5	Chi phí tài chính	11.098	6.073	3.324	1.232
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>11.098</i>	<i>6.073</i>	<i>3.324</i>	<i>1.232</i>
6	Chi phí bán hàng	24.701	0	355	611
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.102	88.980	74.232	33.107
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	731	5.718	-794	-486
9	Lợi nhuận khác	15.097	15.140	22.146	7.787

10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.828	20.858	21.352	7.301
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.574	15.903	16.557	5.613

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC 6 tháng năm 2015 của Saigonbus

**Bảng số 7: Một số chỉ tiêu tóm tắt cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	30/06/2015
1	Tổng tài sản	557.471	415.646	340.411	335.761
2	Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi)	171.358	182.287	179.726	183.592
3	Nợ phải trả	386.113	233.360	160.686	152.168
3.1	Nợ ngắn hạn	248.924	187.932	139.717	131.139
	Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-
3.2	Nợ dài hạn	137.189	45.428	20.969	21.030
	Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-
4	Nợ phải thu	176.767	117.867	90.642	100.365
	Trong đó, nợ khó đòi	-	(4.128)	(4.429)	(4.106)
5	Tổng số lao động (người)	1.739	1.691	1.531	1.495

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC 6 tháng năm 2015 của Saigonbus

### 3.2. Tình hình tài chính qua các năm

#### a. Doanh thu hoạt động qua các năm

**Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần**

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	620.864	97,56	637.912	97,97	570.342	88,39	221.379	75,57

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vận tải hành khách công cộng (có trợ giá)	533.908	83,89	554.301	85,13	493.136	76,43	184.296	62,91
Đưa rước học sinh và vận tải hành khách (không có trợ giá)	5.487	0,86	16.563	2,54	16.560	2,57	6.257	2,14
Xe chạy hợp đồng	21.199	3,33	15.648	2,40	13.311	2,06	10.432	3,56
Xe liên vận quốc tế	37.862	5,95	31.723	4,87	24.637	3,82	10.061	3,43
Du lịch lữ hành	22.407	3,52	18.636	2,86	22.165	3,44	10.097	3,45
Doanh thu sửa chữa xe	-	-	1.041	0,16	533	0,08	235	0,08
<b>Doanh thu thuần khác</b>	<b>15.554</b>	<b>2,44</b>	<b>13.235</b>	<b>2,03</b>	<b>74.895</b>	<b>11,61</b>	<b>71.555</b>	<b>24,43</b>
Đóng thùng xe	10.100	1,59	2.500	0,38	1.000	0,15	14.836	5,06
Bán xăng dầu nhớt	-	-	-	-	21.189	3,28	27.938	9,54
Bán xe	-	-	7.197	1,11	49.216	7,63	27.682	9,45
Khác	5.454	0,86	3.537	0,54	3.491	0,54	1.098	0,37
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>636.418</b>	<b>100</b>	<b>651.146</b>	<b>100</b>	<b>645.237</b>	<b>100</b>	<b>292.934</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 6 tháng năm 2015 của Saigonbus

Doanh thu thuần Saigon Bus trong 03 năm gần nhất (từ năm 2012 đến năm 2014) có sự tăng trưởng không ổn định qua các năm. Trong năm 2013, doanh thu thuần toàn Công ty đạt 651.146 triệu đồng, tăng 14.728 triệu đồng (tương đương 2,31%) so với năm 2012; Đến năm 2014, doanh thu thuần chỉ đạt 645.237 triệu đồng, giảm 5.909 triệu đồng (tương đương giảm 0,91% so với doanh thu thuần năm 2013). Sự tăng trưởng không ổn định về doanh thu thuần của Saigon Bus đến từ các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu từ hoạt động vận tải hành khách công cộng (có trợ giá) là mảng doanh thu chiếm tỷ trọng chủ yếu (từ 76,43% đến 85,13%) trong tổng doanh thu thuần của Saigon Bus. Riêng năm 2013, hoạt động này mang lại doanh thu là 554.301 triệu đồng, tăng 3,82% tương đương 20.393 triệu đồng so với năm 2012. Đến năm 2014, doanh thu này giảm chỉ còn 493.136 triệu đồng; giảm 61,165 triệu đồng tương đương giảm 11,03% so với năm 2013. Nguyên nhân chính cho doanh thu giảm đến từ chính sách trợ giá của Nhà nước (UBND Thành phố Hồ Chí Minh). Từ năm 2014 trở lại đây, UBND Tp.HCM thực hiện chủ trương cắt hoặc giảm chi phí trợ giá xe buýt trên một số tuyến đường nội thành Tp.HCM, trong đó có nhiều tuyến đường thuộc quản lý điều hành của Saigon Bus gây ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty.

- Hoạt động kinh doanh xe liên vận quốc tế cũng đang gặp nhiều khó khăn do lượng hành khách sử dụng dịch vụ xe buýt liên vận có xu hướng ngày càng giảm. Cụ thể, trong năm 2012, doanh thu thuần từ hoạt động xe liên vận đạt 37.862 triệu đồng; đến năm 2013, doanh thu giảm chỉ còn 31.723 triệu đồng (giảm 16,21% so với năm 2012) và đến năm 2014 giảm chỉ còn 24.637 triệu đồng (giảm 22,34%) so với năm 2013.

- Trong năm 2013 và năm 2014, Saigon Bus lần lượt mở rộng hoạt động kinh doanh thêm lĩnh vực bán xe và bán xăng dầu nhớt. Hai mảng kinh doanh này đang đóng góp đáng kể vào doanh thu thuần toàn công ty với doanh thu bán xe đạt 27.682 triệu đồng và doanh thu bán xăng dầu nhớt đạt 27.938 triệu đồng (chỉ tính riêng trong năm 2014).

**b. Lợi nhuận gộp qua các năm**

**Bảng số 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp**

*Đơn vị tính: triệu đồng, %*

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	107.038	97,90	99.416	99,56	75.851	99,75	32.170	94,71
- Vận tải hành khách	129.762	118,69	132.886	133,08	110.845	145,77	41.224	121,37



Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<i>công cộng (có trợ giá)</i>								
- Đưa rước học sinh và vận tải hành khách (không có trợ giá)	(52.421)	(47,95)	(35.905)	(35,96)	(29.998)	(39,45)	(11.838)	(34,85)
- Xe chạy hợp đồng	2.870	2,63	515	0,52	(3.329)	(4,38)	1.135	3,34
- Xe liên vận quốc tế	26.557	24,29	3.100	3,10	(1.209)	(1,59)	1.271	3,74
- Du lịch lữ hành	269	0,25	(2.221)	(2,22)	(991)	(1,30)	143	0,42
- Sửa chữa xe	-	-	1.041	1,04	533	0,70	235	0,69
<b>Lợi nhuận gộp khác</b>	<b>2.293</b>	<b>2,10</b>	<b>436</b>	<b>0,44</b>	<b>190</b>	<b>0,25</b>	<b>1.796</b>	<b>5,29</b>
- Đóng thùng xe	374	0,34	(2.263)	(2,27)	10	0,01	(65)	(0,19)
- Bán xăng dầu nhớt	-	-	-	-	301	0,40	1.156	3,40
Bán xe	-	-	1.942	1,94	492	0,65	608	1,79
- Khác	1.919	1,76	757	0,76	(612)	(0,81)	97	0,29
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>109.330</b>	<b>100</b>	<b>99.852</b>	<b>100</b>	<b>76.040</b>	<b>100</b>	<b>33.967</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và 6 tháng năm 2015 của Saigonbus

Cùng với sự biến động của doanh thu thuần từ hoạt động vận tải hành khách công cộng có trợ giá, lợi nhuận gộp của hoạt động này cũng bị biến động mạnh. Cụ thể, trong năm 2013, lợi nhuận thuần từ hoạt động vận tải hành khách công cộng có trợ giá đạt 132.886 triệu đồng; tăng 2,41% tương đương 3.124 triệu đồng so với năm 2012. Đến năm 2014, lợi nhuận thuần từ hoạt động này giảm mạnh chỉ còn 110.845 triệu đồng; giảm 16,59% tương đương 22.041 triệu đồng so với năm 2013.

Mặc dù lợi nhuận gộp trong năm 2014 của hoạt động vận tải hành khách công cộng có trợ giá giảm chỉ còn 110.845 triệu đồng nhưng đây lại là mảng mang lại hiệu quả nhất và là điểm tựa cho hoạt động kinh doanh của toàn Công ty trong năm 2014. Cụ thể trong năm 2014, lợi nhuận gộp các hoạt động kinh doanh chính khác như: Đưa rước học sinh và vận tải hành khách không có trợ giá lỗ 29.998 triệu đồng; xe chạy hợp đồng lỗ 3.329 triệu đồng; xe liên vận quốc tế lỗ 1.209 triệu đồng; Du lịch lữ hành lỗ 991 triệu đồng. Đây là những mảng hoạt động kinh doanh mà Công ty cần phải cải thiện hiệu quả trong năm 2015 và sau cổ phần hóa.

*c. Chi phí qua các năm*

**Bảng số 10: Cơ cấu chi phí**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	% /TDT	Giá trị	% /TDT	Giá trị	% /TDT	Giá trị	% /TDT
Giá vốn hàng bán	527.087	80,11	551.294	82,32	569.197	84,24	258.967	85,73
Chi phí tài chính	11.098	1,69	6.073	0,91	3.324	0,49	1.232	0,41
Chi phí bán hàng	24.701	3,75	-	-	355	0,05	611	0,20
Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.102	11,11	88.980	13,29	74.232	10,99	33.107	10,96
Chi phí khác	6.107	0,93	2.516	0,38	7.233	1,07	863	0,29
<b>Tổng cộng</b>	<b>642.095</b>	<b>97,59</b>	<b>648.863</b>	<b>96,89</b>	<b>654.341</b>	<b>96,84</b>	<b>294.781</b>	<b>97,58</b>

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015 của Saigonbus*

Giá vốn hàng bán: Một trong những hoạt động kinh doanh mang lại nguồn thu lớn nhất cho Công ty là hoạt động vận tải; do đó chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh (từ 35% đến 39%). Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là xăng dầu nhớt, vì vậy sự biến động giá cả xăng dầu ảnh hưởng đến hoạt động

của Công ty. Tuy nhiên, để giảm bớt những tác động xấu của việc biến động giá xăng dầu, Công ty đã liên kết kinh doanh với Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Sài Gòn (PVoil) và đây là nhà cung cấp nhiên liệu uy tín, ổn định với giá sỉ cho Công ty dẫn đến tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu tương đối ổn định trong thời gian qua.

**Chi phí tài chính:** Đây là khoản chi phí lãi vay gồm lãi vay đầu tư mua sắm phương tiện vận tải và lãi vay ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty luôn trả nợ theo đúng quy định trong khế ước, không phát sinh hay phát sinh không đáng kể lãi vay quá hạn vì vậy khoản chi phí này giảm dần qua các năm góp phần giảm chi phí tăng lợi nhuận cho Công ty.

**Chi phí khác:** Nhằm đổi mới phương tiện vận tải, trong các năm qua Công ty cũng đã thực hiện thanh lý các xe đã xuống cấp. Vì vậy, các khoản chi phí khác chủ yếu là giá trị còn lại của xe thanh lý. Chi phí này phát sinh tùy thuộc vào số lượng xe thanh lý nhiều hay ít.

### 3.3. Các chỉ số tài chính của Công ty giai đoạn 2012 – 2014:

**Bảng số 11: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	0,58	0,66	0,95
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,56	0,73
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,69	0,56	0,47
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,25	1,28	0,89
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	41,42	40,26	28,27
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,00	1,34	1,71
Vòng quay TSCĐ	Lần	1,81	2,35	3,14
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,8%	2,4%	2,6%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	6,8%	8,7%	9,2%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,1%	3,8%	4,9%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	0,11%	0,88%	-0,12%

Nguồn: Tổng hợp BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015 của Saigonbus

#### 4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sang chế và bản quyền

##### 4.1. Logo của Công ty:

**SaigonBus**<sup>®</sup>

##### 4.2. Danh sách văn bằng sở hữu trí tuệ:

**Bảng số 12: Danh sách văn bằng sở hữu trí tuệ**

STT	Số văn bằng	Tên văn bằng	Nhóm sản phẩm dịch vụ	Số quyết định	Hạn văn bằng
1	70051	Satranco	Nhóm 35, 37, 39	A1310/QĐ-ĐK ngày 14/02/2006	17/08/2024
2	137378	SaigonBus	Nhóm 35, 36, 37, 39, 40, 43	24278/QĐ-SHTT ngày 18/11/2009	25/10/2017
3	71153	SaigonBus	Nhóm 12	A3087/QĐ-ĐK ngày 05/04/2006	17/8/2024
4	132800	SaigonExpress	Nhóm 39	18838/QĐ-SHTT ngày 04/09/2009	25/10/2017
5	131553	Sapaco	Nhóm 12, 35, 37, 39, 43	17318/QĐ-SHTT ngày 13/08/2009	12/12/2015

Nguồn: SaigonBus

**5. Tình hình đầu tư phát triển**

Hàng năm, Công ty đều dành ngân sách cho công tác xây dựng cơ bản và mua sắm, sửa chữa trang thiết bị. Cụ thể như sau:

**Bảng số 13: Tình hình đầu tư XDCB và mua sắm, sửa chữa trang thiết bị***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Khoản mục	2012	2013	2014
Xây dựng cơ bản	7.814	7.054	1.333
Mua sắm sửa chữa trang thiết bị	4.462	2.820	427
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.276</b>	<b>9.874</b>	<b>1.760</b>

*Nguồn: SaigonBus*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng cơ bản chủ yếu sửa chữa nâng cấp văn phòng làm việc Công ty và các Xi nghiệp trực thuộc.
- Chi phí mua sắm sửa chữa trang thiết bị chủ yếu đầu tư cho hệ thống bán vé bán tự động, hệ thống máy chủ, trung tâm điều hành trực tuyến, máy móc dùng để bảo dưỡng sửa chữa phương tiện.
- Các dự án đầu tư đang tiếp tục triển khai:
  - Dự án đầu tư 50 xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên CNG – giai đoạn 2.
  - Dự án phần mềm hướng dẫn người dân đi xe buýt.
  - Dự án bán vé tự động trên xe buýt
- Các dự án tạm ngưng: Ngưng triển khai hạng mục đào tạo lái xe B2 của Trung tâm dạy nghề.

**6. Tình hình nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ:****6.1 Đưa vào sử dụng phương tiện vận tải “xanh” (năm 2011):**

Saigonbus cũng là doanh nghiệp đi tiên phong của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung trong việc sử dụng phương tiện vận tải “xanh” để bảo vệ môi trường không khí cho TP HCM. Năm 2011, Sở Giao thông vận tải phối hợp với Công ty TNHH

MTV Xe khách Sài Gòn đưa 21 xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch CNG mới vào hoạt động tuyến xe Xanh: Chợ Bến Thành – Bến xe Chợ Lớn.

#### **6.2 Hệ thống giám sát hành trình (năm 2012):**

- Lưu trữ dữ liệu hành trình GPS của gần 700 xe đang gắn thiết bị GPS.
- Thực hiện truyền dữ liệu GPS về Tổng Cục Đường Bộ, Trung tâm Quản lý điều hành hành khách công cộng theo yêu cầu từ các cơ quan quản lý.
- Có các chức năng cảnh báo, báo cáo vi phạm nhằm phục vụ nhanh chóng công tác kiểm tra, giám sát khi có phản ánh, vi phạm từ các xe.
- Trung tâm điều hành trực tuyến theo dõi GPS của 28 tuyến Buýt, 64 tuyến Đưa rước và các xe đi Campuchia, tour, hợp đồng online 24/7.

#### **6.3 Trung tâm điều hành trực tuyến của công ty (năm 2012):**

- Tiếp nhận thông tin và hướng dẫn hành khách đi xe Buýt, giải đáp thắc mắc của Lái xe, Tiếp viên.
- Thống kê và đối chiếu số chuyến hoạt động với Trung tâm QL&ĐH VTHKCC
- Phối hợp với các đơn vị để xử lý vi phạm.
- Cảnh báo, hỗ trợ thông tin kẹt xe từ các nguồn VOV Giao thông, Kiểm soát viên của Công ty đến lái xe, vi phạm máy lạnh, quá tốc độ, sai lộ trình...

#### **6.4 Hệ thống thông báo trạm tự động trên xe buýt (năm 2012):**

Đây là phụ kiện kết nối với bộ định vị GPS để xác định vị trí xe và thông báo cho người dân khi xe sắp đến trạm

#### **6.5 Hệ thống camera an ninh quản lý bãi xe (năm 2012):**

Nhằm mục tiêu đảm bảo an ninh – an toàn cho các đối tác, nhân viên và tài sản, công ty đã từng bước đầu tư và triển khai hệ thống camera quan sát tại các bãi xe. Hệ thống này sau khi triển khai đã mang lại các lợi ích sau:

- Cho phép các bộ phận liên quan (Bảo vệ, Pháp chế) truy cập và giám sát trực tuyến qua kết nối internet hỗ trợ nhanh chóng các trường hợp phát sinh cần xử lý tức thì.
- Có đầu ghi hình để sao lưu lại dữ liệu, đảm bảo công tác hậu kiểm, giám sát sau này.

#### **6.6 Hệ thống camera an ninh trên xe (năm 2013):**

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và bảo vệ hành khách, công ty đã trang bị hệ thống camera trên xe buýt. Hệ thống này đã hỗ trợ rất nhiều trong công tác đảm bảo an toàn cho người dân đi xe buýt, phục vụ các công tác kiểm tra giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên công ty.

**6.7 Wifi trên một số tuyến xe của công ty (năm 2013):**

Với mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ hành khách, công ty cũng đã từng bước thử nghiệm lắp đặt mạng internet không dây (Wi-fi) trên các các xe của công ty như sau:

- Sử dụng mạng 3G song song 2 nhà mạng Viettel và Metfone để đảm bảo việc truy cập của hành khách.
- Tự động chuyển sóng nhà mạng khi thiết bị bắt được sóng không cần cài đặt.

**6.8 Phần mềm hỗ trợ người dân đi xe buýt (năm 2014):**

Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để người dân dễ dàng sử dụng dịch vụ vận tải buýt TP Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ nhân viên công ty đã nghiên cứu và phối hợp với đối tác phát triển phần mềm hỗ trợ người dân đi xe buýt với các tính năng như sau:

- Xem thông tin về tuyến buýt: Lộ trình, trạm dừng, cự ly tuyến, thời gian hoạt động, thời gian giãn cách, số chuyến, loại phương tiện.
- Xem bản đồ tuyến và dữ liệu xe trực tuyến: Xem trực quan lộ trình tuyến trên bản đồ số, xem thông tin hoạt động của phương tiện trên tuyến, tính toán và xác định thời gian xe đến trạm dừng.

**6.9 Hệ thống bán vé tự động sử dụng thẻ thông minh (năm 2014):**

Công ty đang nghiên cứu triển khai hệ thống bán vé tự động với mục tiêu:

- Hình thành nên một phương tiện thanh toán hiện đại thuận tiện và an toàn cho người dân, phù hợp hơn với từng đối tượng sử dụng.
- Cung cấp nhiều công cụ để điều hành và quản lý dễ dàng hơn: quản lý trực tuyến được các số liệu sản lượng và doanh thu.
- Dữ liệu thu thập từ hệ thống là cơ sở để tối ưu hóa biểu đồ giờ hoạt động, lựa chọn loại phương tiện phù hợp, giám sát trực tuyến hoạt động vận tải của mạng xe buýt.
- Chuẩn hóa công tác lập kế hoạch vận hành - khai thác - phân tích, báo cáo và cung cấp số liệu chính xác và nhanh chóng.

## PHẦN V: HOẠT ĐỘNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HOÁ

### I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

#### 1. Tên công ty cổ phần

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON PASSENGER TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY**

#### - Logo:

**SaigonBus**<sup>®</sup>

- Trụ sở chính: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Tp. HCM
- Điện thoại: (08) 38 546 110 Fax : (08) 38 546 127
- Website : [www.saigonbus.com.vn](http://www.saigonbus.com.vn)

#### 2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

##### 2.1 Vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ Công ty: **600.000.000.000** đồng (*Sáu trăm tỷ đồng*)

Trong đó:

- Giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **340.701.781.869** đồng
- Giá trị cổ phiếu phát hành thêm để đầu tư đổi mới phương tiện hoạt động buýt theo Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014 – 2017 (đề án 1.680 xe buýt) là **259.298.218.131** đồng.

##### 2.2 Cơ cấu vốn điều lệ:

Căn cứ văn bản số 1754/TTg-ĐMDN ngày 25/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước của UBND thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn là doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ khi cổ phần hóa. Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:



Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần(cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Nhà nước	29.400.000	294.000.000.000	49,00
2	CB-CNV mua ưu đãi	1.675.200	16.752.000.000	2,80
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	<i>1.140.900</i>	<i>11.409.000.000</i>	<i>1,90</i>
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	<i>534.300</i>	<i>5.343.000.000</i>	<i>0,90</i>
3	Công đoàn Công ty	70.000	700.000.000	0,1
4	Nhà đầu tư chiến lược	14.427.400	144.274.000.000	24,05
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	14.427.400	144.274.000.000	24,05
<b>Tổng cộng</b>		<b>60.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Saigon Bus*

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn sau khi Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt điều chỉnh.

### 3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định tại Điều lệ công ty cổ phần trên cơ sở ngành, nghề kinh doanh hiện tại theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty,

có bổ sung một số ngành nghề kinh doanh để đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Các ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa như sau:

- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: đại lý vận tải xếp dỡ, giao nhận hàng hóa theo sự ủy thác của chủ hàng; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; Dịch vụ đóng thùng, bao gói hàng hóa để vận chuyển).
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (chi tiết: đại lý bán vé).
- Khai thác và kinh doanh bến xe, dịch vụ trong bến xe, dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải...
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ.
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại.
- Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ moóc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại.
- Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện - điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt.
- Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khách dung cho động cơ.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- Tổ chức hội chợ, hội nghị.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô.
- Tư vấn du học.
- Quảng cáo thương mại.
- Dạy nghề.
- Kinh doanh bất động sản.

– Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

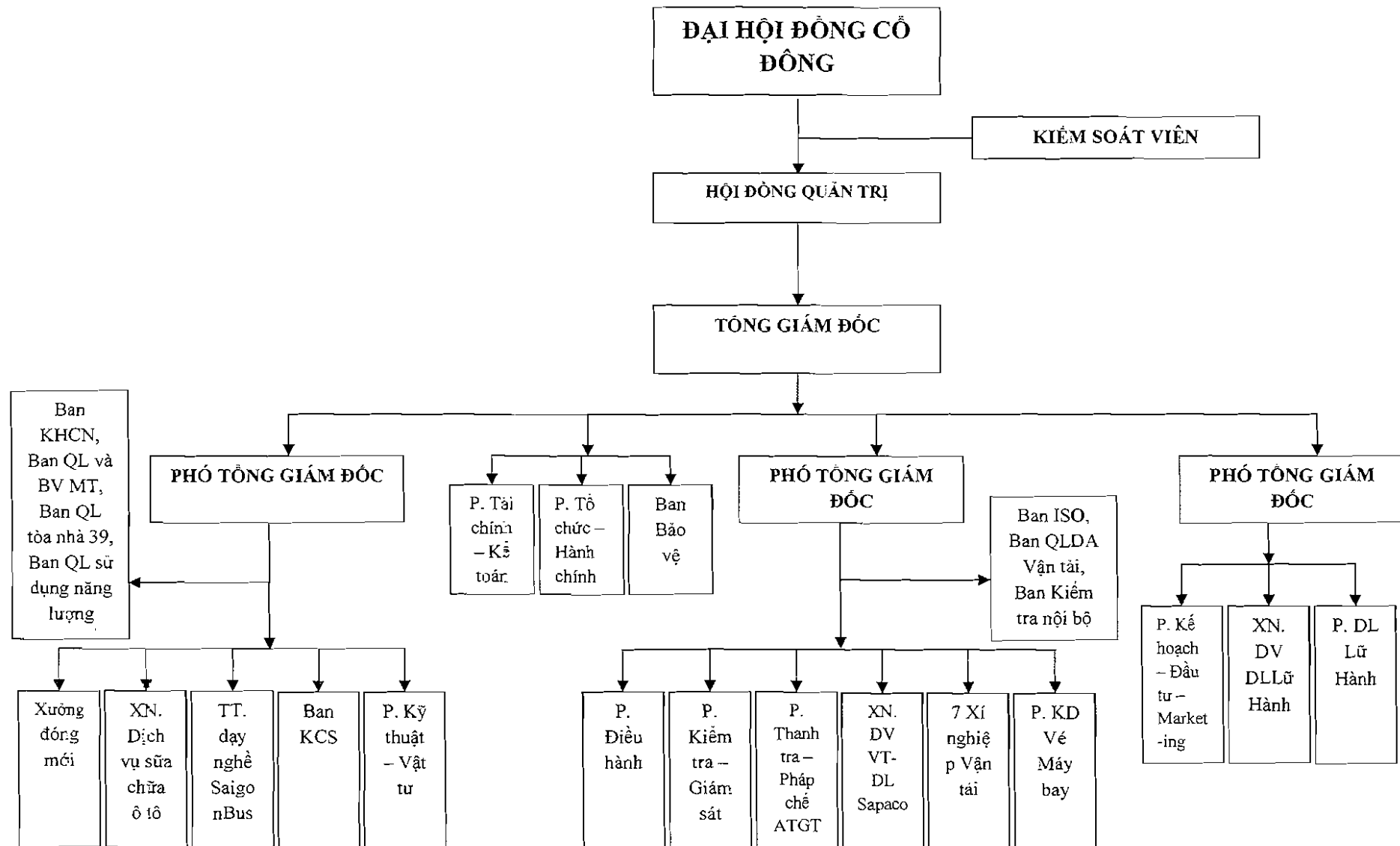
#### **4. Cơ cấu tổ chức**

– Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần do Đại Hội đồng cổ đông thông qua, dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng).

– Các phòng ban chức năng và các xí nghiệp trực thuộc khi chuyển thành Công ty cổ phần sẽ không thay đổi so với trước cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, tùy theo tình hình thực tế, nhu cầu tổ chức và xu hướng phát triển của Công ty, Công ty sẽ điều chỉnh cho phù hợp. Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

– Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, xí nghiệp trực thuộc giữ nguyên như trước khi cổ phần hóa.

**Sơ đồ tổ chức công ty cổ phần:**



**II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH****1. Chiến lược phát triển từ năm 2016 - 2020****1.1 Mục tiêu tổng quát:**

– Phát triển Công ty ổn định, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, khẳng định giữ vững vai trò là đơn vị chủ lực của thành phố trong lĩnh vực VTHKCC. Tiên phong trong việc tổ chức lại mô hình, phương thức quản lý điều hành cũng như áp dụng các công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, thu hút ngày càng đông đảo người dân thành phố sử dụng phương tiện vận tải công cộng; Đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ, chú trọng đầu tư phát triển kinh doanh du lịchữ hành trong nước và quốc tế; đầu tư xây dựng các bãi đậu xe đa chức năng theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

**1.2 Chỉ tiêu và nhiệm vụ chính:**

- Từng bước tổ chức lại mô hình quản lý điều hành, nâng cấp mô hình hoạt động của các Xí nghiệp trực thuộc thành các Công ty hạch toán độc lập. Thực hiện tái cấu trúc trong nội tại mô hình tổ chức của Công ty, trong đó định hình rõ rệt 2 mảng công ích và mảng kinh doanh dịch vụ.
- Tập trung xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ nhân viên trực tiếp, nâng cao ý thức về phục vụ hành khách.
- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư áp dụng các công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là các công nghệ nâng cao chất lượng phục vụ VTHKCC.
- Sẵn sàng tiếp nhận và khai thác tốt các loại hình vận tải hành khách khối lượng lớn như BRT.
- Tập trung đầu tư đổi mới toàn bộ phương tiện của Công ty theo hướng hiện đại, tiện ích, thân thiện với môi trường.

- Tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động dịch vụ du lịch – lữ hành trở thành hoạt động kinh doanh mũi nhọn của Công ty. Xây dựng các tour du lịch trọng điểm nhằm tạo sản phẩm chủ lực thu hút khách hàng. Tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp du lịch, các khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi, phòng vé máy bay .v.v. để xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch với giá thành hợp lý, giảm chi phí tour mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty. Bên cạnh đó là phát triển nhanh, hiệu quả hoạt động kinh doanh bán vé máy bay.
- Tiếp tục giữ vững và ổn định hoạt động đưa rước công nhân, tăng cường công tác chăm sóc, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Triển khai liên kết hợp tác phát triển kinh doanh mua bán xe ô tô và dịch vụ bảo hành bảo dưỡng.
- Nghiên cứu và triển khai sản xuất các linh kiện, phụ tùng phục vụ cho ngành sản xuất ô tô.
- Tăng cường hợp tác liên kết phát triển loại hình kinh doanh dịch vụ logistics.
- Tiếp tục duy trì và giữ ổn định hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, liên vận quốc tế. Chú trọng vào chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao uy tín thương hiệu, củng cố giữ vững thị phần đã đạt được.

## **2. Cơ hội và thách thức**

### **2.1 Cơ hội**

- Sự phục hồi của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng hiện nay là tiền đề, là cơ sở quan trọng để đặt ra chiến lược, mục tiêu phát triển của SaigonBus giai đoạn từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo.
- Định hướng phát triển giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo chú trọng phát triển vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn song song với phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng có sức chứa nhỏ; giao thông công cộng đảm nhận khoảng từ 20% đến 25% nhu cầu vận chuyển hành khách trong giai đoạn năm 2020 và 35% đến 45% giai đoạn sau 2020 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho SaigonBus phát triển tốt hơn trong tương lai.

- Theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau 2020, thành phố sẽ xây dựng 6 tuyến buýt nhanh (BRT) gồm: Tuyến BRT số 1: Đại lộ Võ Văn Kiệt – Mai Chí Thọ, Tuyến BRT số 2: Theo đường Nguyễn Văn Linh từ Bến xe Miền Tây mới đến cầu Phú Mỹ, Tuyến BRT số 3: Dọc đường vành đai 2 từ An Sương đến Bến xe Miền tây mới, tuyến BRT số 4: theo trục đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi, tuyến BRT số 5: Theo trục đường Thoại Ngọc Hầu - Vành đai trong – nối dài ra Nguyễn Văn Linh và tuyến BRT số 6 dọc đường Quang Trung. Đây là cơ hội để SaigonBus tham gia đầu tư, khai thác loại hình vận tải công cộng khối lượng lớn, xanh và thông minh, là cơ hội để SaigonBus phát triển thị phần.

- Về giao thông tĩnh thành phố Hồ Chí Minh, Chính phủ cũng quy hoạch sắp xếp toàn bộ các điểm, bến, bãi đỗ xe phù hợp và ưu tiên quỹ đất dành cho giao thông tĩnh; trong đó cải tạo, xây dựng mới 17 bãi kỹ thuật cho xe buýt với diện tích khoảng 51ha, riêng SaigonBus được giao triển khai 04 dự án bãi xe với diện tích hơn 07 ha, đây là một trong những lợi thế mà SaigonBus có được.

- SaigonBus là một trong những đơn vị khai thác dịch vụ vận tải lâu đời, có uy tín tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như trong cả nước, nhất là về dịch vụ vận tải hành khách công cộng, đưa rước công nhân, liên vận quốc tế và du lịch lữ hành; là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý, điều hành, khai thác dịch vụ vận tải hành khách.

## **2.2 Thách thức**

Bên cạnh những cơ hội, SaigonBus cũng sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức trong thời gian tới như:

- Để đáp ứng yêu cầu về phát triển giao thông vận tải của cả nước và khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020; với cơ cấu phương tiện hiện có 96,5% là phương tiện đã qua sử dụng trên 10 năm, SaigonBus cần phải đầu tư đổi mới số phương tiện này trong đó chú trọng phương tiện sử dụng năng lượng sạch và tiết kiệm;

– Công ty được Thành phố giao triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho xe buýt, trong đó giai đoạn 2015 – 2020 phải hoàn tất đầu tư xây dựng 04 bãi đậu xe cao tầng kết hợp trung tâm dịch vụ tại 04 bãi đậu xe 439 đường Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, 592 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11. Việc triển khai đầu tư này đòi hỏi nguồn vốn đối ứng để hợp tác đầu tư với các nhà đầu tư khác.

– Trong chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2020 đối với mảng kinh doanh dịch vụ, Công ty tập trung đẩy mạnh phát triển kinh doanh dịch vụ lữ hành du lịch trong nước và quốc tế với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Thành phố HCM trong lĩnh vực này. Điều này đòi hỏi Công ty phải xây dựng nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc phát triển du lịch.

– Để đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu trước mắt và lâu dài, SaigonBus cần phải huy động tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển; tái cơ cấu lực lượng vận tải, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư kinh doanh vận tải, thực hiện thành công cổ phần hóa.

### **3. Kế hoạch đầu tư**

#### **3.1 Đầu tư phương tiện phục vụ hoạt động vận tải:**

– Nhằm mục đích mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 Công ty sẽ tiến hành đầu tư phương tiện phục vụ cho việc tham gia các dự án mới và thay thế các phương tiện đã xuống cấp của Công ty. Nguồn vốn thực hiện là 70% vốn vay và 30% vốn đối ứng của Công ty.

##### **a. Đầu tư phương tiện cho các dự án mới:**

– Trong năm 2016, Công ty sẽ tiến hành đầu tư phương tiện mới tham gia đấu thầu các dự án vận tải trong và ngoài thành phố, cụ thể:

- Dự án 5 tuyến buýt tại Thành phố Đà Nẵng
- Dự án Đưa rước công nhân
- Đầu tư mới 10 xe du lịch phục vụ hoạt động du lịch của Công ty
- Đầu tư xe 16 và 30 ghế phục vụ đưa rước công nhân.



- Đầu tư 01 xe Camry phục vụ đưa đón cán bộ cấp cao.

**Bảng số 15: Tổng nhu cầu vốn đầu tư phương tiện cho các dự án mới**

STT	Hạng mục	Số lượng (xe)	Đơn giá (đồng/xe)	Tổng vốn đầu tư (đồng)
1	Dự án 5 tuyến buýt tại Thành phố Đà Nẵng	61	1.500.000.000	91.500.000.000
2	Dự án Đưa rước công nhân Khu công nghệ cao TP.HCM	50	3.000.000.000	150.000.000.000
3	Đầu tư xe mới cho hoạt động du lịch	10	4.000.000.000	40.000.000.000
4	Đầu tư xe Camry đưa rước cán bộ cấp cao	1	1.500.000.000	1.500.000.000
5	Đầu tư xe 16 ghế đưa rước công nhân	2	1.000.000.000	2.000.000.000
6	Đầu tư xe 30 ghế phục vụ đưa rước công nhân	1	1.500.000.000	1.500.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>125</b>		<b>286.500.000.000</b>

*Nguồn: SaigonBus*

**b. Đầu tư thay thế các phương tiện của Công ty:**

– Năm 2016 – 2017:

Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 23/05/2014 của UBND thành phố về phê duyệt Đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014 – 2017. Theo đó, trong năm 2016 và 2017 Công ty phải thay thế toàn bộ phương tiện hoạt động buýt của Công ty.

- Đầu tư 29 xe buýt CNG thay thế xe trên tuyến 50 và 52.
- Đầu tư thay thế toàn bộ xe buýt trên các tuyến sử dụng xe nhỏ bằng xe buýt B60.
- Đầu tư thay thế toàn bộ xe buýt trên các tuyến sử dụng xe lớn bằng xe buýt CNG.

- Đầu tư thay thế xe 30 ghế phục vụ đưa rước công nhân
- Đầu tư thay thế toàn bộ xe đưa rước công nhân cho Công ty Intel bằng xe CNG.

**Bảng số 16: Tổng nhu cầu vốn đầu tư thay thế các phương tiện năm 2016 - 2017**

STT	Hạng mục	Số lượng (xe)	Đơn giá (đồng/xe)	Tổng vốn đầu tư (đồng)
1	Dự án 29 xe buýt CNG tuyến 50, 52	29	2.750.000.000	79.750.000.000
2	Đầu tư xe CNG thay thế phương tiện trên các tuyến sử dụng xe lớn	115	2.750.000.000	316.250.000.000
3	Đầu tư xe buýt B60 thay thế trên các tuyến sử dụng xe nhỏ	261	1.600.000.000	417.600.000.000
4	Đầu tư xe 30 ghế thay thế xe đưa rước công nhân	16	1.500.000.000	24.000.000.000
5	Đầu tư xe CNG thay thế xe ĐRCN khu CNC (Intel)	15	2.750.000.000	41.250.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>436</b>		<b>878.850.000.000</b>

Nguồn: SaigonBus

Tổng số vốn đối ứng (30% tổng vốn đầu tư) cho các dự án thay thế phương tiện xe buýt trên là 263,65 tỷ đồng.

– Từ năm 2018 – năm 2020: Đầu tư thay thế toàn bộ phương tiện cho hoạt động đưa rước công nhân, học sinh sinh viên, du lịch lữ hành, liên vận quốc tế của Công ty.

**Bảng số 17: Tổng nhu cầu vốn đầu tư thay thế các phương tiện năm 2018 - 2020**

STT	Hạng mục	Số lượng (xe)	Đơn giá (đồng/xe)	Tổng vốn đầu tư (đồng)
1	Thay thế xe hoạt động ĐRCN-HS, hợp đồng,	114	3.000.000.000	342.000.000.000

	campuchia			
2	Thay thế xe hoạt động du lịch	10	4.000.000.000	40.000.000.000
3	Đầu tư xe 30 ghế thay thế xe đưa rước công nhân	5	1.500.000.000	7.500.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>129</b>		<b>389.500.000.000</b>

*Nguồn: SaigonBus*

### 3.2 Đầu tư hệ thống bán vé tự động:

- Giai đoạn I (thí điểm): Đầu năm 2016, Công ty sẽ tiến hành thí điểm hệ thống bán vé tự động trên 2 tuyến xe buýt mã số 50 và 52
- Giai đoạn II (mở rộng): Từ Quý III năm 2016 đến năm 2017, Công ty sẽ tiến hành triển khai mở rộng hệ thống bán vé tự động cho tất cả tuyến buýt của Công ty (28 tuyến)
- Giai đoạn III (hoàn thiện): Từ năm 2017 đến năm 2018, Công ty sẽ phát triển hệ thống bán vé tự động cho toàn hệ thống xe buýt tại TP.HCM.

**Bảng số 18: Tổng nhu cầu vốn đầu tư hệ thống bán vé tự động**

STT	Thời gian	Số tuyến	Tổng vốn đầu tư (đồng)
1	Giai đoạn I (thí điểm)	02	3.011.443.716
2	Giai đoạn II (mở rộng)	28	89.375.314.606
3	Giai đoạn III (hoàn thiện)	107	187.366.756.671

*Nguồn: SaigonBus*

### 3.3 Đầu tư xây dựng cơ bản:

- Theo nhu cầu thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như tăng cường diện tích đậu xe và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động VTIKCC bằng xe buýt tại thành phố, Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố đã chấp thuận cho Công ty lập dự án triển khai bãi đậu xe nhiều tầng tại 04 bãi đậu xe 439 đường Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, 592 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11.

Tổng nhu cầu vốn cho các bãi xe như sau:

- Bãi xe 592 Cộng Hoà: 515,14 tỷ đồng.

- Bãi xe Bắc Việt: 2.095,30 tỷ đồng.
  - Bãi xe Lạc Long Quân: 2.428,26 tỷ đồng.
  - Bãi xe Phan Văn Trị: 524,13 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2016 – 2020 Công ty sẽ tập trung vào dự án đầu tư khai thác, xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng kết hợp các loại hình dịch vụ - thương mại đa chức năng trong đó có phòng trưng bày ô tô, văn phòng, thương mại, phù hợp với nhu cầu thị trường tại 04 bãi xe nêu trên.

#### **4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá**

##### **4.1 Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

###### **a. Đối với hoạt động buýt:**

– Từ năm 2016, Công ty sẽ tiến hành đầu tư phương tiện mới để thay thế cho các phương tiện cũ đã xuống cấp. Việc đầu tư đổi mới phương tiện phù hợp với chủng loại phương tiện được trợ giá ngoài việc giúp Công ty nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút thêm hành khách sử dụng xe buýt còn giúp Công ty tiết kiệm chi phí so với hiện tại và tăng doanh thu trợ giá. Công ty sẽ tham gia dự thầu các tuyến buýt tại Đà Nẵng, Hà Nội mở rộng địa bàn và thị phần trong kinh doanh vận tải buýt.

– Năm 2018, Công ty được UBND thành phố giao đảm nhận khai thác tuyến BRT số 1.

###### **b. Đối với hoạt động đưa rước công nhân:**

– Hoạt động đưa rước công nhân của Công ty trong các năm qua hoạt động hiệu quả, mức tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm từ 7% đến 10%.

– Từ năm 2016, Công ty tiến hành đầu tư đổi mới phương tiện tập trung phát triển đưa rước cho Công ty Samsung (ước khoảng 30 xe sẽ tham gia vào dịch vụ này).

###### **c. Hoạt động du lịch lữ hành:**

– Từ năm 2015, Công ty thành lập Phòng Du lịch (với thương hiệu SaigonMice) để định hướng phát triển loại hình du lịch trong và ngoài nước. Với năng lực của Phòng du lịch, Công ty định hướng loại hình này sẽ làm tăng doanh thu 20% /năm.

###### **d. Hoạt động tuyến Campuchia:**

– Hiện nay, tình hình chính trị tại Campuchia đang có chiều hướng ổn định. Trong năm 2018, Công ty tiến hành đầu tư đổi mới phương tiện, cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh với các đơn vị khác. Mức tăng doanh thu dự kiến các năm đạt 10%/năm.

###### **e. Hoạt động cho thuê xe hợp đồng và giải tỏa hành khách:**

– Doanh thu hoạt động cho thuê xe hợp đồng đã tăng trở lại sau 3 năm giảm liên tục (mức tăng năm 2015 so với năm 2014 là 8%). Công ty dự kiến mức tăng doanh thu từ năm 2016 đạt 10%/năm.

– Hoạt động giải tỏa hành khách tại các bến xe doanh thu đạt không cao các năm qua, Công ty dự kiến doanh thu đối với loại hình này không đổi so với 2015.

**f. Hoạt động khác:**

– Kinh doanh nhiên liệu: Công ty dự kiến sản lượng bán ngoài tăng 5%/năm.

– Đóng mới xe và bán xe nhập khẩu: trong năm 2015 Công ty đã sản xuất và cung cấp loại xe 45 chỗ ngồi cho các đơn vị đưa rước công nhân phục vụ cho dự án đưa rước công nhân tại các tỉnh phía Bắc. Dự kiến trong năm 2016 số lượng xe đóng mới sẽ tăng 100% so với năm 2015; Mở rộng phát triển công nghiệp hỗ trợ, sản xuất, lắp ráp tổng thành ô tô như nội thất ô tô, ghế hành khách, máy lạnh; Số lượng xe tải, xe đầu kéo nhập khẩu, linh kiện phụ tùng ô tô dự kiến tăng 10% so với năm 2015.

– Năm 2016, Công ty dự kiến sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh bến bãi kết hợp với việc mở rộng hoạt động VTHKCC ra các tỉnh khác như Đà Nẵng..

– Đầu tư thiết bị, hạ tầng của hệ thống bán vé tự động cho xe buýt của Công ty đồng thời cho các đơn vị vận tải trong toàn mạng thuê hạ tầng hệ thống bán vé tự động.

– Phát triển kinh doanh vận tải hàng hóa, thực hiện các dịch vụ cho thuê kho bãi, logistics.

– Trung tâm dạy nghề: Công ty đã tạm ngưng hoạt động đào tạo lái xe hạng B2. Đối với hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe hạng A1, Công ty dự kiến tăng doanh thu 5%/năm.

– Hoạt động bán vé máy bay: Năm 2015, Công ty thành lập Phòng vé máy bay. Doanh thu dự kiến cho hoạt động này tăng 20%/năm.

– Hoạt động việc tích cực đẩy mạnh các lĩnh vực kinh doanh khác đã làm trong những năm qua đạt mức tăng trưởng hơn 10%/năm. Sau cổ phần, với thế mạnh mới, nguồn lực mới, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm triển khai mở rộng kinh doanh trên các lĩnh vực mới phù hợp với tình hình và xu thế phát triển kinh tế xã hội của đất nước cũng như của thành phố.

#### **4.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh từ năm 2016 – năm 2020**

– Với định hướng, mục tiêu phát triển và kế hoạch đầu tư như trên, Công ty đặt ra các chỉ tiêu kinh doanh sau cổ phần hóa như sau:

Bảng số 19: Chỉ tiêu kinh doanh và chỉ số tài chính từ năm 2016 – năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020
<b>I</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>
<b>II</b>	<b>Kết quả kinh doanh</b>						
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>784.480</b>	<b>831.590</b>	<b>887.030</b>	<b>942.270</b>	<b>987.660</b>
2	Giá vốn	Triệu đồng	(692.441)	(778.61)	(854.282)	(928.79)	(1.000.591)
<b>3</b>	<b>Lãi gộp</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>52.209</b>	<b>59.688</b>	<b>64.288</b>	<b>73.514</b>	<b>79.868</b>
4	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	(777)	(798)	(821)	(845)	(869)
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	(47.850)	(50.243)	(52.755)	(55.392)	(58.162)
<b>6</b>	<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>984</b>	<b>984</b>	<b>984</b>	<b>984</b>	<b>984</b>
7	Chi phí tài chính	Triệu đồng	(12.295)	(10.860)	(9.425)	(7.990)	(6.550)
8	Thu nhập khác	Triệu đồng	15.809	15.809	15.809	15.809	15.809
9	Chi phí khác	Triệu đồng	(2.080)	(2.580)	(3.080)	(3.580)	(4.080)
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>6.000</b>	<b>12.000</b>	<b>15.000</b>	<b>22.500</b>	<b>27.000</b>
11	Thuế TNDN (20%)	Triệu đồng	(1.200)	(2.400)	(3.000)	(4.500)	(5.400)
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>4.800</b>	<b>9.600</b>	<b>12.000</b>	<b>18.000</b>	<b>21.600</b>
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0,80	1,60	2,00	3,00	3,60
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản (ROA)	%	0,42	0,83	1,04	1,57	1,88

Nguồn: SaigonBus

**III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT**

– Theo quy định tại khoản 6 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn đã xây dựng phương án sử dụng đất trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

– Theo phương án sử dụng đất, Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn tiếp tục quản lý và sử dụng đất theo hình thức thuê đất, trả tiền hàng năm cụ thể như sau:

**Bảng số 20: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa**

<b>Địa chỉ khu đất</b>	<b>Diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Quyết định sử dụng đất – hợp đồng thuê đất</b>	<b>Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa</b>
Bãi xe 343/20 Lạc Long Quân F5, Q11	30.029,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 04/01/2006 của UBND TP V/v cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất đến năm 2045.</li> <li>- HĐ thuê đất số 2000/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 14/03/2006.</li> <li>- QĐ số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục sử dụng theo hiện trạng cho đến khi thực hiện dự án Xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng theo văn bản số 3682/UBND-ĐTMT ngày 11/6/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Đối với phần diện tích đất cho thuê làm trạm xăng dầu (300,06 m2) nhằm phục vụ cho xe buýt của Công ty, thực hiện thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian theo giá thị trường; phần diện tích còn lại, ký hợp đồng thuê đất với nhà nước theo quy định hiện hành và sử dụng mặt bằng nhà đất đúng quy định luật đất đai.</li> </ul>
Bãi xe 01 Phạm Hồng Thái F2, Q. Tân Bình	27.490	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ số 4701/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND TP V/v chấp thuận cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất 50 năm kể từ ngày 21/04/2006.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục sử dụng theo hiện trạng cho đến khi thực hiện dự án Xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng có kết hợp xây dựng phòng trưng bày thương mại xe ô tô để hỗ trợ kinh</li> </ul>

Địa chỉ khu đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Quyết định sử dụng đất – hợp đồng thuê đất	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
		<p>- HĐ thuê đất số 3113 /HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 27/05/2011</p> <p>- QĐ số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản công định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp</p>	<p>doanh theo văn bản số 10929/VP-ĐTMT ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>- Đối với phần diện tích đất cho thuê làm trạm xăng dầu (338,56 m2) nhằm phục vụ cho xe buýt của Công ty, thực hiện thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian theo giá thị trường; phần diện tích còn lại, ký hợp đồng thuê đất với nhà nước theo quy định hiện hành và sử dụng mặt bằng nhà đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.</p>
<p>Bãi xe 592 Cộng Hòa F13, Q. Tân Bình</p>	<p>6.606,6</p>	<p>- QĐ số 738/QĐ-UBND ngày 21/02/2011 của UBND TP V/v chấp thuận cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất 50 năm kể từ ngày ra quyết định.</p> <p>- HĐ thuê đất số 7212/HĐ-TNMT-QHSDD ngày 09/11/2011</p> <p>- QĐ số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản công định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp</p>	<p>Tiếp tục sử dụng theo hiện trạng cho đến khi thực hiện dự án Xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng có kết hợp xây dựng phòng trưng bày thương mại xe ô tô để hỗ trợ kinh doanh theo văn bản số 3468/UBND-ĐT ngày 16/7/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh</p>



Địa chỉ khu đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Quyết định sử dụng đất – hợp đồng thuê đất	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
Bãi xe 439 Phan Văn Trị F5, Q. Gò Vấp	7.214	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ số 2028/QĐ-UBND ngày 04/05/2007 của UBND TP V/v cho Cty tiếp tục sử dụng khu đất đến năm 2020.</li> <li>- HĐ thuê đất số 7823/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 21/9/2007 -</li> <li>- QĐ số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản công định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục sử dụng theo hiện trạng cho đến khi thực hiện dự án Xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng theo văn bản số 6297/UBND-ĐTMT ngày 30/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh</li> <li>- Đối với phần diện tích đất cho thuê làm trạm xăng dầu (338,56 m<sup>2</sup>) nhằm phục vụ cho xe buýt của Công ty, thực hiện thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian theo giá thị trường; phần diện tích còn lại, ký hợp đồng thuê đất với nhà nước theo quy định hiện hành.</li> </ul>
Nhà 500 Nguyễn Đình Chiểu F4, Q.3	776,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ giao đất số 6194/QĐ-UBND ngày 07/12/2005 của UBND TP.HCM.</li> <li>- Vì hiện nay đang có 01 hộ lưu cư ở phần lầu của ngôi nhà nên việc làm giấy chứng nhận QSDĐ gặp nhiều khó khăn.</li> <li>- QĐ số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản công định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục làm văn phòng xí nghiệp Sapaco.</li> <li>- Diện tích sàn sử dụng là 662,2 m<sup>2</sup> (không tính phần diện tích có hộ ở, do phần diện tích này đã được UBND Thành Phố chấp thuận cho sử dụng theo Quyết định số 230/QĐ-UB ngày 17/06/1980).</li> <li>- Sở Tài nguyên Môi trường có trách nhiệm giải quyết lối đi cho hộ trên lầu khi lập thủ tục cho thuê đất.</li> </ul>

Địa chỉ khu đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Quyết định sử dụng đất – hợp đồng thuê đất	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
Nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông F.10, Q5	760,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ số 4295/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của UBND Tp, thời hạn thuê đất : 50 năm</li> <li>- HĐ thuê đất số 10503/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 07/12/2007</li> <li>- QĐ số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp</li> </ul>	Tiếp tục làm văn phòng làm việc
Nhà 171 Điện Biên Phủ F 15, Q Bình Thạnh	1.035	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển quyền theo hợp đồng số 11192 ngày 20/05/2008 tại phòng Công chứng số 6 – TP. HCM</li> <li>- Chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở thuộc quyền của Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn</li> <li>- QĐ số 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp</li> </ul>	- Tiếp tục sử dụng theo hiện trạng cho đến khi thực hiện dự án Xây dựng nhà văn phòng cao tầng theo văn bản số 556/UBND-ĐT ngày 26/01/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**IV. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG****1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần**

– Trong những năm tới, công ty tập trung triển khai những ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh như hệ thống điều hành trực tuyến, hệ thống bán vé tự động và quản lý doanh thu qua mạng, đồng nghĩa với một số bộ phận lao động sẽ phải tinh giảm như điều hành đầu bến, kiểm soát, thu ngân. Bên cạnh đó, theo quy định chi phí tiền lương cho khối lao động phụ trợ kể trên cũng không được tính vào chi phí trợ giá hằng năm.

– Vì vậy, để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, Công ty tiến hành tái cơ cấu lao động, chủ trương tinh giảm chủ yếu đối với lao động thuộc khối trực tiếp phụ trợ. Sau khi tính toán lại ngày công lao động và phân công công việc lại tại các bộ phận; số lao động Điều hành, Kiểm soát, Công nhân thợ sẽ giảm từ 10% đến 30%. - Công ty sẽ tiến hành sắp xếp, điều động một số nhân viên gián tiếp tại các Phòng, ban sang bộ phận khác cho phù hợp.

– Hiện nay, việc thu tiền hành khách đi xe buýt phần lớn vẫn sử dụng tiền mặt vì thế cần một lực lượng lớn đội ngũ thu ngân để tiến hành công tác kiểm đếm. Khi triển khai hệ thống bán vé tự động sẽ quản lý doanh thu xe buýt qua hệ thống, hạn chế việc lưu hành tiền mặt dẫn đến khó kiểm soát, dễ xảy ra thất thoát; đồng thời giảm được toàn bộ số lượng thu ngân hiện nay mà chuyển việc theo dõi doanh thu cho các xí nghiệp vận tải quản lý. Trước mắt công ty sẽ tinh giảm toàn bộ số lao động làm công tác thu ngân hiện tại và giao về cho văn phòng các xí nghiệp phụ trách tiến tới việc tự quản lý doanh thu khi tiến hành hệ thống bán vé tự động.

– Sau cổ phần Công ty vẫn giữ Cơ cấu tổ chức bộ máy gồm 23 Phòng, Ban, đơn vị như hiện tại.

– Căn cứ theo Biên bản họp ngày 07/01/2016 về việc thẩm định kinh phí giải quyết lao động dôi dư khi thực hiện chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thành công ty cổ phần và Tờ trình số 1796/TTr-SLĐTBXH-LĐ ngày 22/01/2016 của

Sở lao động Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh số lao động trong phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn.

**Bảng số 21: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần**

Stt	NỘI DUNG	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động</b>	<b>1.295</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Theo Hợp đồng lao động</b>		
	- Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	5	0,39
	- Hợp đồng lao động Không xác định thời hạn	1.162	89,73
	- Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	115	8,88
	- Hợp đồng lao động dưới 12 tháng	13	1,00
<b>2</b>	<b>Theo trình độ</b>		
	- Trên đại học	11	0,85
	- Đại học	163	12,59
	- Cao đẳng	55	4,25
	- Trung cấp	76	5,87
	- Tốt nghiệp Trung học Phổ thông	562	43,40
	- Chưa Tốt nghiệp Trung học Phổ thông	428	33,05
<b>3</b>	<b>Phân theo giới tính</b>		
	- Nam	1.027	79,31
	- Nữ	268	20,69

Nguồn: SaigonBus

## 2. Kế hoạch tuyển dụng:

– Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần, cũng như việc tham gia đấu thầu dự án 5 tuyến buýt tại Đà Nẵng, dự án Đưa rước công nhân Khu công nghệ cao Tp.Hồ Chí Minh, mở thêm công ty BRT khai thác tuyến buýt nhanh... dẫn đến số phương tiện vận tải tăng hơn 150 xe so với hiện tại; công ty xác định trong 5 năm tới sẽ tăng cường tuyển dụng đối tượng lao động Lái xe nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của công ty. Số lượng phương tiện hiện nay công ty đang quản lý là trên 600 xe nên số Lái xe cần có để hoạt động là khoảng 750 lao động, mà số lái xe hiện tại

chỉ khoảng 600 Lái xe, cùng với số lượng phương tiện tăng thêm như trên nên những năm tới công ty cần tập trung tuyển dụng lao động Lái xe và đối tượng lao động quản lý và gián tiếp cũng cần tăng theo nhu cầu thực tế.

– Đối với lực lượng nhân viên phục vụ trên xe buýt, hiện nay công ty có 21 tuyến buýt bán vé bán tự động, không sử dụng nhân viên phục vụ trên xe buýt; tuy nhiên, theo yêu cầu của Sở GTVT và Trung tâm QLĐHVTHKCC thì công ty phải bổ sung nhân viên phục vụ xe buýt cho tất cả các tuyến. Nên nhu cầu cần tuyển mới đối tượng nhân viên phục vụ xe buýt trong năm 2016 là 300 lao động, nâng tổng số lượng nhân viên phục vụ trên xe buýt hiện tại khoảng 200 lao động lên 500 lao động. Công việc tuyển dụng lao động nhân viên phục vụ trên xe buýt sẽ chú trọng đến ngoại hình, trình độ và được đào tạo về nghiệp vụ một cách chuẩn mực.

– Hoạt động kinh doanh dịch vụ Du lịch và bán vé máy bay cũng được tập trung mở rộng trong thời gian tới nên công ty sẽ tập trung tuyển dụng đội ngũ nhân viên kinh doanh du lịch, bán vé máy bay có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để phát triển thương hiệu Saigon M.I.C.E ngày càng lớn mạnh. Dự kiến công ty sẽ mở rộng thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, trong đó tập trung vào 3 chi nhánh tại 3 thành phố lớn là Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và tập trung kinh doanh ở 3 mảng chủ lực là khách đoàn, khách lẻ và tổ chức sự kiện, hội nghị. Đồng thời mở rộng mạng lưới bán vé máy bay tại tất cả các địa điểm văn phòng của công ty.

– Những năm tiếp theo, định hướng phát triển chung của Công ty là giám sát hoạt động vận tải bằng công nghệ thông qua Trung tâm Điều hành trực tuyến. Do đó cần thiết phải đào tạo bổ sung nhân viên Điều hành trực tuyến theo hướng ưu tiên đào tạo nhân viên Điều hành đầu bến thành nhân viên Điều hành trực tuyến.

Bảng số 22: Nhân sự giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020

STT	Chức danh	Số lượng						Trình độ Tiêu chuẩn/Kỹ năng nghiệp vụ
		2015	2016	2017	2018	2019	2020	
A.	Cán bộ quản lý	60	65	70	75	80	80	Tốt nghiệp Đại học trở lên
B.	Lao động gián tiếp	148	150	155	160	170	180	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên
C.	Lao động trực tiếp							
1	Lái xe	605	700	800	900	950	1.000	Tốt nghiệp THCS GPLX đầu E
2	Nhân viên phục vụ xe buýt	197	300	350	400	450	500	Tốt nghiệp THCS trở lên
3	Công nhân thợ	123	98	105	110	115	120	Tốt nghiệp THCS Tay nghề phù hợp
4	Kinh doanh Du lịch	23	50	80	110	130	150	Tốt nghiệp Cao Đẳng trở lên
5	Bán vé máy bay	4	10	12	15	18	20	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên
6	Thu ngân	35	0	0	0	0	0	
7	Kiểm soát	43	27	20	10	5	0	
8	Điều hành đầu bến	70	50	35	20	10	0	
9	Điều hành trực tuyến	21	25	30	35	40	65	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên
10	Giám sát qua camera	11	15	18	20	22	25	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên
...	Nhân viên trực tiếp khác (Tập vụ, bảo vệ...)	107	70	80	90	100	110	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.447</b>	<b>1.560</b>	<b>1.755</b>	<b>1.945</b>	<b>2.090</b>	<b>2.250</b>	

– Trong thời gian tới, công ty tập trung nâng cao chất lượng về trình độ tay nghề cũng như chất lượng phục vụ của đội ngũ Lái xe, nhân viên phục vụ xe buýt thông qua các khóa đào tạo về nghiệp vụ, tích cực tham gia các hội thi nâng cao tay nghề do các cấp, các ngành tổ chức như Hội thi “Lái xe Ô tô giỏi và An toàn”, “Vô lăng vàng”..., hưởng ứng cuộc vận động “Doanh nghiệp vận tải thân thiện, lái xe an toàn”, “Tài xế trẻ giỏi”... Việc triển khai hệ thống bán vé bán tự động và tự động cũng sẽ đòi hỏi nghiệp vụ của Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe ngày được nâng cao, ngoài việc công ty tổ chức các khóa tập huấn thì bản thân đội ngũ Lái xe, nhân viên phục vụ cũng phải tự ý thức việc tiếp thu công nghệ, nâng cao tay nghề.

– Bên cạnh đó, công ty cũng chú trọng tuyển dụng đội ngũ chuyên viên các Phòng, Ban được đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí chức danh phụ trách, đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao công việc sau khi cổ phần hóa cũng như hạn chế việc mất thời gian và chi phí để người lao động được đào tạo lại.

**Bảng số 23: Năng suất lao động kế hoạch qua các năm**

	Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu	Tỷ đồng	784,48	831,59	887,03	942,27	987,66
2	Lao động	Người	<b>1.560</b>	<b>1.755</b>	<b>1.945</b>	<b>2.090</b>	<b>2.250</b>
3	Năng suất		1,99	2,11	2,19	2,21	2,27

*Nguồn: SaigonBus*

– Căn cứ doanh thu kế hoạch và phương án sử dụng lao động trong 5 năm tới, qua bảng số liệu trên ta có thể thấy năng suất lao động phải tăng qua từng năm. Điều đó có nghĩa đòi hỏi năng lực lao động qua các năm cũng không ngừng nâng cao để đáp ứng nhu cầu công việc. Trong những năm tiếp theo, công tác phát triển nguồn nhân lực vẫn được công ty chú trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cũng như cán bộ trẻ thuộc diện quy hoạch và Chuyên viên các Phòng, Ban, Xí nghiệp có đủ năng lực, trình độ chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực hoạt động vận tải hành khách công cộng đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần. Tiếp tục tổ chức các khóa học ngắn hạn đào tạo và nâng cao tay nghề, thái độ phục vụ hành khách của đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ cũng như tiếp tục cử nhân viên tham gia các khóa đào tạo dài hạn Đại học, sau Đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ tốt hơn cho công tác.

– Đối với đội ngũ kinh doanh du lịch, bán vé máy bay cũng cần được tập trung nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường. Ngoài việc chú trọng tuyển dụng đầu vào lao động có trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ du lịch bên cạnh đó công ty cũng cần tổ chức các khóa huấn luyện ngắn hạn để đào tạo đội ngũ nhân viên ngày càng chuyên nghiệp, phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, phát triển thương hiệu Saigon M.I.C.E ngày càng lớn mạnh.



## PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

#### 1. Loại cổ phần phát hành

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

#### 2. Đối tượng mua cổ phần

Căn cứ theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, chủ chương của Chính phủ và nhu cầu của Công ty, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

##### 2.1 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động:

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

##### a. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”. Cụ thể:

**Bảng số 24: Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước**

Hạng mục	Chi tiết
Tiêu chí xác định lao động được mua cổ phần ưu đãi	Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa
Tổng số lao động	1.447 Người
Tổng số lao động được mua cổ	1.344 Người

Hạng mục	Chi tiết
phân theo giá ưu đãi	
Tổng số năm công tác	11.409 năm
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	1.140.900 cổ phần
Hạn chế chuyển nhượng	Không
Giá bán	bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của đợt bán đấu giá công khai
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

**b. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần**

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 thì người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 03 năm thì được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

“Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động”.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần nêu “Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.”. Giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp

nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước). Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định tại điểm a khoản 2 Điều này.”

– Công ty có **250 CB-CNV** đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **534.300** cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là **5.343.000.000** đồng, chiếm 0,90% vốn điều lệ công ty cổ phần. Trong đó số người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là 47 người, tương đương với số cổ phần là 204.500 cổ phần.

**Bảng số 25: Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần**

Hạng mục	Chi tiết
Tiêu chí xác định lao động được mua cổ phần ưu đãi	Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 03 năm
Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng thành viên Công ty;</li> <li>- Ban Giám đốc Công ty;</li> <li>- Kế toán trưởng;</li> <li>- Trưởng, Phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.</li> </ul>
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết làm việc lâu dài
Giá bán	bằng giá đấu thành công thấp nhất của đợt bán đấu giá công khai
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

## 2.2 Cổ phần chào bán cho tổ chức Công đoàn:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 36 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

Căn cứ Biên bản họp Ban thường vụ công đoàn ngày 18/12/2015 và Biên bản họp Ban chấp hành công đoàn ngày 24/12/2015 về việc mua cổ phần bán ưu đãi; Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-CĐ ngày 21/12/2015 của Ban chấp hành công đoàn về việc đăng ký tham gia mua cổ phần ưu đãi.

**Bảng số 26: Cổ phần chào bán cho tổ chức công đoàn**

Hạng mục	Chi tiết
Số cổ phần	70.000 cổ phần
Giá trị cổ phần đăng ký mua theo mệnh giá (10.000đồng/ cổ phần)	700.000.000 Đồng
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần ưu đãi do công đoàn nắm giữ không được chuyển nhượng
Giá bán	bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của đợt bán đấu giá công khai
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

### 2.3 Cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là **14.427.400** cổ phần, tương ứng **144.274.000.000** đồng, chiếm 24,05% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

#### a. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn khi cổ phần hóa

– Là nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm, có chức năng ngành nghề hỗ trợ cho việc phát triển các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa và không cạnh tranh với lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, đồng thời hỗ trợ cho Công ty phát triển, đầu tư xây dựng các bãi xe của Công ty theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hỗ trợ chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, cung ứng nguyên vật liệu và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

– Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:

- Có vốn chủ sở hữu không thấp hơn 200 tỷ đồng, tổng tài sản không thấp hơn 350 tỷ đồng, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không vượt quá 3 lần tại thời điểm 30/6/2015 (căn cứ theo báo cáo tài chính đã kiểm toán 30/6/2015), kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (đã được kiểm toán) không lỗ trong 03 năm 2012, 2013, 2014 và không có lỗ lũy kế.
- Không vi phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, không bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh.

- Chứng minh có đủ nguồn tài chính để mua cổ phần theo tỷ lệ trong phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
  - Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không nhận lại tiền đặt cọc.
- Cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài và hỗ trợ Công ty sau khi cổ phần hóa. Nội dung cam kết phải thể hiện cụ thể những nội dung sau:
- Đem lại lợi ích lâu dài và gắn bó tối thiểu 05 năm với Công ty; Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu là 05 năm tính từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo Luật doanh nghiệp;
  - Không có xung đột lợi ích đối với chiến lược phát triển của Công ty; có phương án và cam kết thực hiện đúng phương án hỗ trợ phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa. Trong đó: cam kết giữ đúng mục tiêu và kế hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng, kế hoạch đầu tư đổi mới phương tiện, công nghệ mới, chú trọng đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch (CNG) đúng lộ trình và phương án cổ phần hóa của Công ty;
  - Trong đầu tư xây dựng tại các bãi xe của Công ty cam kết thực hiện đúng chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về đầu tư các dự án bãi đậu xe cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại, không được chuyển đổi công năng kinh doanh địa ốc.

*(Nguồn: Công văn số 107/UBND-CNN ngày 12/01/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt tiêu chí nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn)*

**b. Hồ sơ của nhà đầu tư chiến lược:**

Văn bản đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược (nêu rõ số cổ phần đăng ký mua).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao y công chứng).

- Hồ sơ năng lực của tổ chức đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược.
- Các tài liệu thuyết minh đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (như: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014, các thông tin tài chính để chứng minh năng lực tài chính, thành tích đạt được trong các năm qua; kinh nghiệm chuyên môn trong ngành về thị trường, sản phẩm; tài liệu thể hiện mối quan hệ hợp tác kinh doanh; chiến lược hoạt động phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn...).
- Phương án kinh doanh, phương án sử dụng, đào tạo nguồn nhân lực và các cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền.

**c. *Danh sách nhà đầu tư chiến lược:***

Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn, Ban chỉ đạo cổ phần hóa sẽ tiến hành lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thỏa mãn các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã được phê duyệt và trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt

**d. *Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:***

- Trường hợp có trên 03 nhà đầu tư chiến lược (đáp ứng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược), đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn có trách nhiệm tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược sau khi bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, giá bán không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Trường hợp có tối đa 03 nhà đầu tư chiến lược (đáp ứng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược) đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược thì Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn phải tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược như trường hợp có trên 03 nhà đầu tư chiến lược (nêu trên); nếu số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược thì Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn có trách nhiệm thỏa thuận trực tiếp giá bán cổ phần với nhà đầu tư chiến lược ngay sau khi

bán đấu giá công khai. Giá bán cho các nhà đầu tư chiến lược không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

*(Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần.)*

**e. Quy định về hạn chế chuyển nhượng:**

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ thì: “Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.

**2.4 Phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO)**

– Việc bán cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn được áp dụng sau khi phương án cổ phần hoá được phê duyệt quy định tại Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

– Đối tượng phát hành: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ và Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính và quy định chi tiết tại Quy chế bán cổ phần lần đầu ra công chúng do Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ban hành. Theo quy định tại điều 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu:

- “Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp, trừ các thành viên là đại diện của doanh nghiệp cổ phần hoá.
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ

chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh.

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá.
  - Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con.”
- Thời gian bán đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- Giá khởi điểm : 10.200 đồng/cổ phần.

**Bảng số 27: Cổ phần bán đấu giá ra Công chúng (IPO)**

Hạng mục	Chi tiết
Cổ phần chào bán	14.427.400 Cổ phần
Hạn chế chuyển nhượng	Không
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần

### 3. Phương thức phát hành

#### 3.1 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động:

- Việc bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.

#### 3.2 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Xem tại mục 2.3.d Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

#### 3.3 Bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO)

- Việc phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng được thực hiện thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

## II. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn: Công ty chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục



đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty phải hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

*(Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần.)*

**III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HOÁ**

**1. Chi phí cổ phần hoá**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 và khoản 4, Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về chi phí cổ phần hoá. Dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty được xây dựng Chi phí cổ phần hóa của Công ty dự kiến bao gồm các khoản mục chính sau:

**Bảng số 28: Dự toán chi phí cổ phần hóa**

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ CHƯA THUẾ VAT	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ CÓ THUẾ VAT	Ghi chú
I	Các khoản chi phí trực tiếp	540.000.000	54.000.000	594.000.000	
1	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản: Chi phí đo vẽ hiện trạng nhà đất và đánh giá tình trạng kỹ thuật	180.000.000	18.000.000	198.000.000	Hợp đồng số 632/HĐ-ĐVHT ngày 14/7/2015 giữa Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 3.

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ CHƯA THUẾ VAT	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ CÓ THUẾ VAT	Ghi chú
2	Chi phí cho hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin doanh nghiệp về việc bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài (03 số báo liên tiếp của 01 tờ báo phát hành trong toàn quốc và 01 tờ báo địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính), chi phí in ấn, photo...	20.000.000	2.000.000	22.000.000	Dự kiến
3	Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần, trong đó: Phí tổ chức đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán	300.000.000	30.000.000	330.000.000	
4	Chi phí tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	40.000.000	4.000.000	44.000.000	Dự kiến
II	<b>Tiền thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và bán cổ phần</b>	<b>180.000.000</b>	<b>18.000.000</b>	<b>198.000.000</b>	Hợp đồng tư số 226A/IIDTV/AS C-SAIGONBUS ngày 08/9/2015 giữa Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn và Liên danh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ACA và Công ty cổ phần chứng khoán ASC (tên cũ Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á)
III	<b>Chi phí thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ Giúp việc</b>	<b>155.000.000</b>	0	155.000.000	
1	Thù lao thành viên ban chỉ đạo (9 người x 1.000.000)	90.000.000	0	90.000.000	

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ CHƯA THUẾ VAT	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ CÓ THUẾ VAT	Ghi chú
	<i>đồng x 10 tháng)</i>				
2	Thù lao cho thành viên tổ giúp việc (13 người x 500.000 đồng x 10 tháng)	65.000.000	0	65.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>875.000.000</b>	<b>72.000.000</b>	<b>947.000.000</b>	

**Ghi chú:**

- Chi phí trên chưa bao gồm chi phí bán thỏa thuận trực tiếp (nếu có).
- (\*) Mức thu phí bán đấu giá chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần/mỗi loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán theo Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài chính.
- Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

**2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá**

- Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ theo Biên bản họp ngày 07/01/2016 về việc thẩm định kinh phí giải quyết lao động dôi dư khi thực hiện chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thành công ty cổ phần và Tờ trình số 1796/TTr-SLĐTBXH-LĐ ngày 22/01/2016 của Sở lao động Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh số lao động trong phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn.
- Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm **10.200 đồng/cổ phần** và giá đấu thành công thấp nhất là **10.200 đồng/cổ phần**, chi tiết như sau:

**Bảng số 29: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa**

Stt	Khoản mục	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
1	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	Đồng	Quyết định phê duyệt GTDN	340.701.781.869
2	Cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần	Đồng	Dự kiến	600.000.000.000
a	Nhà nước 49%	Đồng	Ban chỉ đạo đề xuất	294.000.000.000
b	Cổ đông khác 51%	Đồng	= mục 2 - 2a	306.000.000.000
3	Vốn Nhà nước bán ra bên ngoài tính theo mệnh giá	Đồng	= (mục 1 - 2a)	46.701.781.869
4	Số vốn phát hành thêm	Đồng	= (mục 2 - 1)	259.298.218.131
5	Số cổ phần phát hành thêm	CP	=mục 4/mệnh giá	25.929.822
6	Tổng số cổ phần phát hành (Bán bớt phần vốn nhà nước + phát hành thêm)	CP	=mục 2b/mệnh giá	30.600.000
7	Cơ cấu cổ phần phát hành	CP	= mục 6	30.600.000
a	Bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	CP	danh sách kèm theo	1.140.900
b	Bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp	CP	danh sách kèm theo	534.300
c	Bán cổ phần cho tổ chức công đoàn	CP		70.000
d	Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	CP		14.427.400
e	Bán đấu giá công khai	CP	=mục 7 - 7a - 7b - 7c - 7d	14.427.400
8	Dự kiến giá bán	đồng/CP		
a	Giá khởi điểm bán đấu giá công khai	đồng/CP	Đề xuất	10.200
b	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLD theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	đồng/CP	=mục 8a * 60%	6.120
c	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLD theo cam kết làm việc lâu dài	đồng/CP	=mục 8a	10.200
d	Giá bán cho tổ chức công đoàn	đồng/CP	=mục 8a*60%	6.120
e	Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược	đồng/CP	=mục 8a	10.200
9	Số tiền thu từ phát hành	Đồng		307.179.528.000

	<b>cổ phần</b>			
a	Bán cho NLD theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	Đồng	=mục 7a*8b	6.982.308.000
b	Bán cho NLD theo cam kết làm việc lâu dài	Đồng	=mục 7b*8c	5.449.860.000
c	Bán cho tổ chức công đoàn	Đồng	=mục 7c*8d	428.400.000
d	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	Đồng	=mục 7d*8e	147.159.480.000
e	Bán đấu giá công khai	Đồng	mục 7e*8a	147.159.480.000
<b>10</b>	<b>Tổng số tiền thu sau phát hành</b>	<b>Đồng</b>	<b>= mục 9</b>	<b>307.179.528.000</b>
a	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp	Đồng	=mục 5*mệnh giá	259.298.218.131
b	Số tiền thu từ bán vốn nhà nước còn lại	Đồng	=mục 10 - 10a	47.881.309.869
11	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	Đồng	theo dự toán	947.000.000
12	Chi phí giải quyết chế độ người lao động	Đồng	theo phương án	3.182.158.150
13	Phần thặng dư vốn để lại cho công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ	Đồng	= (mục 10 – mục 6*mệnh giá – mục 11 – mục 12)*(mục 10a/mục 2)	0
14	Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ (**)	Đồng	= mục 10 – mục 10a – mục 11 – mục 12 - mục 13	43.752.151.719

**Ghi chú:**

– (\*) Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp được xây dựng theo công thức: Số cổ phần phát hành thêm \* Mệnh giá 01 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần phát hành thêm là **25.929.822 cổ phần**
- Mệnh giá 1 cổ phần là **10.000 đồng/cổ phần**

– (\*\*\*) Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ được xây dựng theo công thức = Tổng số tiền thu sau phát hành - Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp - Chi phí cổ phần hóa dự kiến - Chi phí giải quyết chế độ người lao động. Trong đó:

- Tổng số tiền thu sau phát hành là **307.179.528.000 đồng**

- *Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp là 259.298.218.131 đồng*
- *Chi phí cổ phần hóa dự kiến là 947.000.000 đồng*
- *Chi phí giải quyết chế độ người lao động là 3.182.158.150 đồng*

#### **IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN**

##### **1. Rủi ro về kinh tế**

– Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty Xe khách Sài Gòn cũng như các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực, sự ổn định và phát triển của nền kinh tế trong và ngoài nước ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển cũng như đạt được những mục tiêu mà Công ty đã đề ra. Trong những năm qua, nền kinh tế đối diện với nhiều biến động lớn đặc biệt sự ảnh hưởng lâu dài của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tình hình kinh tế của Việt Nam lại càng trở nên khó khăn hơn vì đối diện với những khó khăn như lạm phát tăng cao, thị trường tài chính không ổn định. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

– Mặc dù vậy, Chính phủ Việt Nam cũng cố gắng hết sức có thể để ổn định nền kinh tế. Trong năm 2015, Chính phủ đã đưa ra những chính sách nhằm ưu tiên kiềm chế lạm phát, giảm lãi suất cơ bản, bình ổn tỷ giá. Vì vậy, Công ty hứa hẹn sẽ có nhiều cơ hội hoạt động ổn định và dần thích nghi hơn với nền kinh tế nhiều cạnh tranh.

##### **2. Rủi ro luật pháp**

– Rủi ro về luật pháp là một loại rủi ro mang tính hệ thống và nó không những ảnh hưởng đến riêng Công ty mà còn ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều sẽ có những tác động nhất định đến hoạt động Công ty. Với pháp luật Việt Nam hiện hành, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa được chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất cứ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

**3. Rủi ro đặc thù**

– Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn hoạt động chính là buýt công cộng, tiêu chí chính là phục vụ cộng đồng. Nên việc cắt giảm các luồng tuyến xe buýt của Công ty phụ thuộc vào các cơ quan quản lý nhà nước, do đó hoạt động của Công ty khó có sự tăng trưởng đột biến.

**4. Rủi ro đột chào bán**

– Hiện tại, thị trường chứng khoán chưa thực sự ổn định và tâm lý nhà đầu tư cũng chưa thực sự an tâm khi đổ tiền vào. Phần lớn, các nhà đầu tư đều đang trông mong vào một động thái tích cực của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn của nền kinh tế. Thêm vào đó, Chính phủ có chủ trương thoái toàn bộ vốn Nhà nước mà Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đang nắm giữ tại 10 doanh nghiệp lớn đang hoạt động kinh doanh hiệu quả (Vinamilk, FPT, Nhựa Bình Minh...) sẽ thu hút sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

– Ngoài ra, hoạt động của Công ty khá đặc thù, nhà đầu tư chưa có nhiều thông tin cũng như nắm rõ được khả năng phát triển tiềm năng của Công ty. Vì vậy, quyết định chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty vào lúc này có thể sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi nhất định. Một số cổ phiếu trên sàn hiện nay có giá trị thấp vẫn không thu hút được nhà đầu tư, việc đấu giá cổ phần của Công ty cũng sẽ gặp nhiều khó khăn do tình hình chung.

**5. Rủi ro khác**

– Bên cạnh những rủi ro hệ thống và rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động buýt công cộng, Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn cũng như các đơn vị kinh tế khác sẽ chịu ảnh hưởng và tổn thất về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khi xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

**V. KẾT LUẬN**

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng tương lai của Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án Cổ phần hoá đã được duyệt của Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn và các thông tin, số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn cung cấp, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản Công bố thông tin này được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên số liệu và thông tin do Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn cung cấp.

Bản công bố thông tin này trình bày các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu, chiến lược, định hướng và kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn. Trong một số trường hợp, Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn sử dụng các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự định”, “có thể”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai. Mặc dù Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chính xác.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong bản công bố thông tin.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản Công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đầu tư cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn.



VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÔNG ĐÓ THÔNG TIN

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



NGUYỄN HỒNG ANH

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ  
CÔNG TY TNHH MTV XE KHÁCH SÀI GÒN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN MINH TÂM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dặng Quang Ej